

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



TÀI LIỆU

**HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI VÀ TẬP HUẤN CÔNG TÁC
KIỂM ĐỊNH NỘI BỘ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA NĂM 2018**

THÁNG 5 NĂM 2018

**Quy trình tổ chức và thực hiện kiểm định
nội bộ chương trình đào tạo
theo tiêu chuẩn AUN-QA năm 2018**

*Phan Huy Hùng,
Trung tâm Quản lý Chất lượng*

Nội dung

1. Kết quả KĐNB CTĐT 2014-2017
2. Văn bản tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT năm 2018
3. Tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT
4. Mốc thời gian thực hiện KĐNB CTĐT năm 2018
5. Một số lưu ý trong TĐG CTĐT.

1. Kết quả KĐNB CTĐT 2014-2017

	2014	2015	2016	2017
• Số CTĐT TĐG	7	3	4	5
• Số CTĐT được chứng nhận	1	3	3	5
• Số CTĐT không đáp ứng được yêu cầu đánh giá	1	0	1	0
• Số CTĐT được đánh giá nhưng không đạt	5	0	0	0

Kết quả đánh giá nội bộ CTĐT 2017

TT	Chương trình đào tạo	Đơn vị đào tạo	Điểm
1	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Khoa Công nghệ	4,29
2	Phát triển nông thôn	Viện NCPT ĐBSCL	4,15
3	Thú y	Khoa NN&SHƯĐ	4,10
4	Khoa học cây trồng	Khoa NN&SHƯĐ	4,40
5	Công nghệ thực phẩm	Khoa NN&SHƯĐ	4,10

2. Văn bản tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT

- Kế hoạch 484/KH-ĐHCT-ĐBCL&KT ngày 19/03/2018 về KĐNB chất lượng CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA năm 2018.
- Quyết định 1031/QĐ-ĐHCT ngày 11/04/2018 của Hiệu trưởng thành lập Hội đồng TĐG, Tổ Thư ký Hội đồng TĐG CTĐT năm 2018
- Quyết định số 1031/QĐ-ĐHCT ngày 11/04/2018 của Hiệu trưởng thành lập các tổ TĐG CTĐT năm 2018
- Hướng dẫn đánh giá AUN-QA tại cấp chương trình phiên bản 3.0 của AUN-QA (11 tiêu chuẩn)
- Sổ Tay ĐBCL giáo dục về CTĐT năm 2015
- Tài liệu tập huấn...

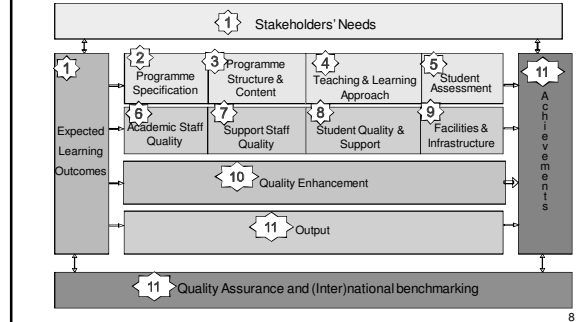
Mục đích KĐNB CTĐT

- Đánh giá (khách quan, đúng mức) thực trạng chất lượng CTĐT một cách hệ thống và mức độ đáp ứng của CTĐT đối với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn AUN-QA → đề ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.
- Công nhận/chứng nhận nội bộ chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA.

Các CTĐT thực hiện KĐNB 2018

TT	Tên chương trình	Đơn vị quản lý
1	Kỹ thuật điện tử - truyền thông	Khoa Công nghệ
2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Khoa Công nghệ
3	Triết học	Khoa Khoa học Chính trị
4	Chính trị học	Khoa Khoa học Chính trị
5	Kiểm toán	Khoa Kinh tế
6	Quản lý đất đai	Khoa Môi trường - TNTN
7	Khoa học cây trồng/Công nghệ giống cây trồng	Khoa NN&Công nghiệp & SHUD
8	Thú y/Dược Thú y	Khoa Nông nghiệp & SHUD
9	Nông học/KT nông nghiệp	Khoa Phát triển nông thôn
10	Nuôi trồng thủy sản	Khoa Thủy sản
10 CTĐT		7 Đơn vị đào tạo

AUN-QA cấp chương trình (Phiên bản 3.0)



AUN-QA Model

AUN-QA cấp chương trình (Phiên bản 3.0)

Tiêu chuẩn		Đặc tả	Tiêu chí
1 Các kết quả học tập mong đợi	Thiết kế	4	3
2 Quy cách chương trình		2	3
3 Nội dung & Cấu trúc chương trình		6	3
4 Tiếp cận trong giảng dạy & học tập		6	3
5 Kiểm tra đánh giá người học	Thực hiện	8	5
6 Chất lượng đội ngũ cán bộ học thuật		10	7
7 Chất lượng đội ngũ cán bộ phục vụ		5	5
8 Chất lượng người học & phục vụ người học		5	5
9 Cơ sở vật chất & hạ tầng		7	5
10 Nâng cao chất lượng	Hiệu quả	6	6
11 Đầu ra		3	5
Tổng cộng		62	50

3. Tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT

➤ Tổ chức và nhân sự TĐG CTĐT

Hội đồng TĐG:

- Có 11 thành viên: BGH, lãnh đạo đơn vị,...
- Chủ tịch: PGsTs Hà Thành Toàn;
- Phó chủ tịch: PGsTs Lê Việt Dũng

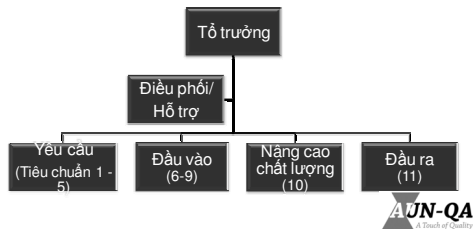
Tổ Thư ký:

- Có 07 thành viên
- Tổ TĐG:**
- Có 10 tổ TĐG/10 CTĐT
- Có 05 thành viên/tổ TĐG

3. Tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT (tt)

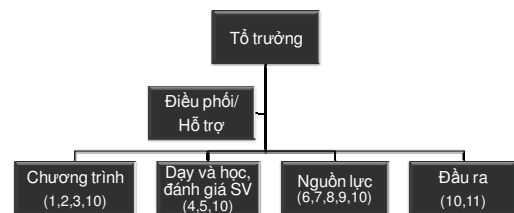
➤ Cơ cấu tổ TĐG CTĐT:

- Cách 1: Theo tiêu chuẩn hệ thống



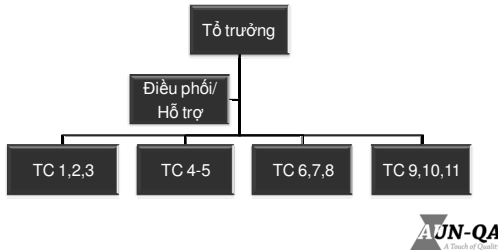
Cơ cấu tổ TĐG CTĐT (tt)

- Cách 2: Theo tiêu chuẩn có liên quan



Cơ cấu tổ TĐG CTĐT (tt)

- Cách 3: Theo số lượng Tiêu chuẩn



13

3. Tổ chức thực hiện KĐNB CTĐT (tt)

- Quan hệ trách nhiệm tổ chức thực hiện TĐG CTĐT

Vị trí	Quan hệ trách nhiệm
Trưởng khoa	• Kết nối Khoa – TT.QLCL
Lãnh đạo phụ trách đào tạo	• Kết nối Bộ môn - Trưởng khoa - Bộ phận ĐBCL • Kết nối Khoa - Bộ phận cung cấp dữ liệu
Trưởng bộ môn	• Lãnh đạo Tổ TĐG/phân cấp quyền lãnh đạo • Kết nối Trưởng khoa - Lãnh đạo phụ trách đào tạo - Tổ TĐG

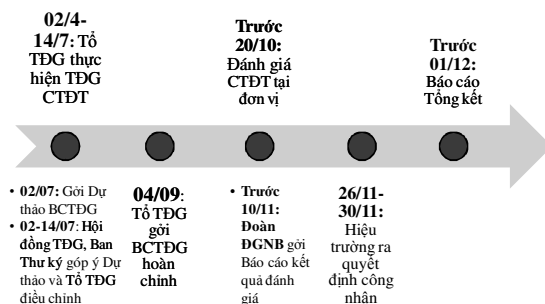
Quan hệ trách nhiệm tổ chức thực hiện TĐG CTĐT (tt)

Vị trí	Quan hệ trách nhiệm
Tổ trưởng tổ TĐG	• Lãnh đạo tổ TĐG • Phát triển kế hoạch TĐG • Phân công và theo dõi công tác • Chia nhóm • Kết nối các thành viên trong Tổ • Tổng hợp và điều chỉnh BC TĐG

Quan hệ trách nhiệm tổ chức thực hiện TĐG CTĐT (tt)

Vị trí	Quan hệ trách nhiệm
Điều phối/ Hỗ trợ (Cấp trường)	• Hướng dẫn, hỗ trợ tổ TĐG • Tập huấn Tổ TĐG • Rà soát báo cáo TĐG • Kết nối Khoa - Trường • Hướng dẫn đánh giá viên nội bộ • Tập huấn đánh giá viên nội bộ
Điều phối/ Hỗ trợ (Cấp Khoa)	• Hướng dẫn tổ TĐG • Tạo động lực và hỗ trợ tổ TĐG • Rà soát báo cáo TĐG
Thành viên tổ TĐG (Bộ môn)	• Thu thập thông tin, tổ chức quản lý thông tin • Viết báo cáo TĐG

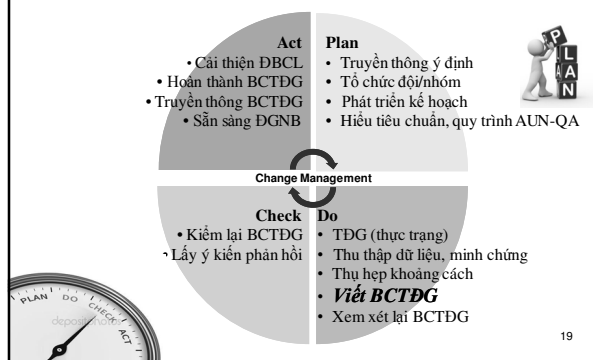
4. Mốc thời gian thực hiện KĐNB CTĐT 2018



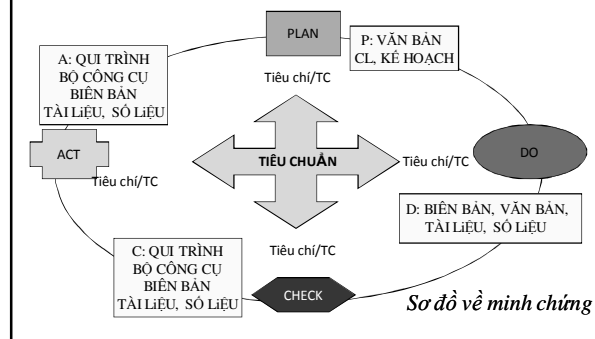
5. Một số lưu ý trong KĐNB CTĐT

- 1) Bám sát tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu được cung cấp (*sử dụng tài liệu cập nhật*); nghiên cứu kỹ, nhất quán nội dung/nội hàm tiêu chuẩn, nguyên tắc đánh giá.
- 2) Viết báo cáo TĐG:
 - Đảm bảo tính bao quát, hệ thống của quá trình đào tạo (*mục tiêu và tiếp cận dạy học, hỗ trợ, đội ngũ, nâng cao chất lượng... hợp lý/giải thích được để đạt mục tiêu*);
 - Có thể trả lời được các câu hỏi đã được gợi ý;
 - *Không phải là làm gì mà là làm việc gì để ĐBCL*
 - Nộp đúng hạn.

Tiếp cận PDCA trong TĐG CTĐT



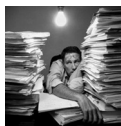
Giai đoạn tự đánh giá thực trạng (tt)



VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

• Phần 1. Giới thiệu:

- Trang mục lục
- Tóm tắt quá trình thực hiện
- Công tác tổ chức tự đánh giá
- Giới thiệu ngắn về trường, khoa, bộ môn



• Phần 2. Mô tả các tiêu chuẩn AUN (theo checklist)

- Mô tả cụ thể cách thức trường, khoa đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- Chỉ ra các minh chứng.

VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ (tt)

• Phần 3. Phân tích điểm mạnh, điểm cần cải tiến:

- Tóm tắt điểm mạnh
- Tóm tắt điểm cần cải tiến
- Tự đánh giá điểm vào bảng “checklist”
- Kế hoạch cải tiến



• Phần 4. Phụ lục

- Bảng danh mục
- Các văn bản hỗ trợ, minh chứng

5. Một số lưu ý trong TĐG (tt)

- Khảo sát bên liên quan; nghiên cứu thời điểm và cách thức khảo sát hiệu quả (*online, hội họp, thư gửi, email...*); việc mời bên liên quan.
- Đề nghị lãnh đạo đơn vị theo dõi chỉ đạo và hỗ trợ để công việc thực hiện đúng tiến độ/thuận lợi:
 - Lãnh đạo khoa (ủy viên hội đồng TĐG) và tổ trưởng tổ TĐG có trách nhiệm đọc bộ tiêu chuẩn, hướng dẫn và hỗ trợ; trách nhiệm cả quá trình: P-D-C-A**
 - Truyền thông báo cáo TĐG**
 - Tránh để tồn đọng vào thời điểm cuối ảnh hưởng không tốt chất lượng Báo cáo và tiến độ chung

5. Một số lưu ý trong TĐG (tt)

- Các thành viên Tổ TĐG cần tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn kỹ thuật (quan trọng).
- Khối lượng công việc lớn nên cần phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên trong Tổ TĐG, đảm bảo tính liên tục, xuyên suốt và cập nhật thông tin.
- Thường xuyên trao đổi với Trung tâm QLCL, Ban Thư ký, đơn vị chức năng về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tìm cách giải quyết kịp thời.

Cám ơn sự chú ý!

CANTHO UNIVERSITY

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CTĐT DỰA TRÊN THANG ĐIỂM 7 CỦA AUN – QA

Cần Thơ, 04/5/2018

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY

WE APPRECIATE YOUR ENGAGEMENT



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY

CHẤM ĐIỂM BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

- Part 1: Introduction
- Part 2: AUN-QA Criteria Requirements
 - (use Appendix A - Checklist as a reference)
- Part 3: Strengths and Weaknesses Analysis
 - Summary of Strengths/Weaknesses
 - Completed Checklist
 - Self rating
- Part 4: Appendices
 - Glossary/Supporting documents and evidences

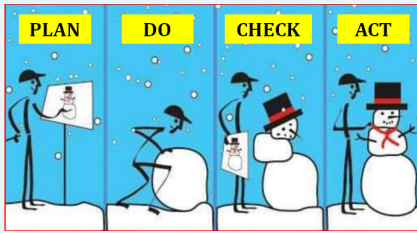


Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY

NGUYÊN LÝ PLAN – DO – CHECK – ACT

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

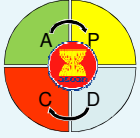
www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ AUN-QA



MỨC	KẾT QUẢ
1	CHƯA ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA AUN-QA
2	
3	
4	ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA AUN-QA
5	
6	
7	



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ AUN-QA

Mức	Phân loại Chất lượng	Giải thích Chất lượng và Cải thiện
1	Không có chất lượng	Không phù hợp; phải cải thiện lập tức
2	Trong giai đoạn lập kế hoạch	Không phù hợp; cần cải thiện
3	Có kế hoạch, nhưng chưa minh chứng được việc triển khai, áp dụng	Chưa phù hợp; một vài cải thiện sẽ giúp chương trình trở nên phù hợp
4	Có kế hoạch và có minh chứng cho thấy việc triển khai, áp dụng	Phù hợp mong đợi (đáp ứng được các chỉ dẫn và tiêu chuẩn AUN-QA)
5	Có minh chứng cho thấy hiệu quả trong việc triển khai, áp dụng	Phù hợp hơn cả mong đợi (vượt trội các chỉ dẫn và tiêu chuẩn AUN-QA)
6	Điển hình cho các thực hành hảo hạng	Thực hành tiên tiến
7	Chất lượng ngoại hạng (đạt tầm quốc tế hay dẫn đầu khu vực)	Thực hành dẫn đầu

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM THEO P-D-C-A		
Mức	Phân loại Chất lượng	Phân tích PDCA
1	Không có chất lượng	NOTHING
2	Trong giai đoạn lập kế hoạch	Planning.....
3	Có kế hoạch, nhưng chưa minh chứng được việc triển khai, áp dụng	PLAN do
4	Có kế hoạch và có minh chứng cho thấy việc triển khai, áp dụng	PLAN Do check act
5	Có minh chứng cho thấy hiệu quả trong việc triển khai, áp dụng	PLAN DO CHECK Act
6	Điển hình cho các thực hành hảo hạng	PDCA + Benchmarks trong nước
7	Chất lượng ngoại hạng (đạt tầm quốc tế hay dẫn đầu khu vực)	PDCA + Benchmarks quốc tế

Consensus – Devotion – Quality – Innovation www.ctu.edu.vn

VÍ DỤ CHẤM ĐIỂM THEO P-D-C-A	
TIÊU CHÍ 1.1: Những kết quả học tập mong đợi được xây dựng với cấu trúc rõ ràng và có nội dung gắn kết với tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường [1,2]	
Mức	Mô tả
1	Không có các tuyên bố về KQHT
2	Có kế hoạch nghiên cứu & xây dựng các KQHT
3	Xây dựng được các tuyên bố về các KQHT, nhưng chưa đưa vào văn bản, tài liệu của chương trình
4	KQHT có cấu trúc rõ ràng và nội dung gắn kết với tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường
5	KQHT được xây dựng khoa học, có tính gắn kết, đồng bộ và được chuyển tải hiệu quả vào chương trình
6	Việc thiết kế và triển khai KQHT có thể đối sánh chuẩn trong nước
7	Việc thiết kế và triển khai KQHT có thể đối sánh chuẩn khu vực và quốc tế

Consensus – Devotion – Quality – Innovation www.ctu.edu.vn

LƯU Ý CHẤM ĐIỂM AUN-QA	
1)	SỬ DỤNG RUBRICS AUN-QA
2)	SỬ DỤNG ĐIỂM NGUYÊN (1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7) CHO ĐIỂM 50
3)	ĐIỂM CỦA TIÊU CHUẨN LÀ NHẬN XÉT MANG TÍNH HỆ THỐNG VỀ TIÊU CHUẨN ĐÓ (KHÔNG SỬ DỤNG TRUNG BÌNH CỘNG)
4)	ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH LÀ NHẬN XÉT MANG TÍNH HỆ THỐNG VỀ 11 TIÊU CHUẨN
5)	ĐIỂM 4.0 LÀ ĐIỂM ĐẠT
6)	CẦN NHẮC/ĐỐI SÁNH ĐIỂM 5.0 → 7.0

Consensus – Devotion – Quality – Innovation www.ctu.edu.vn

CAN THO UNIVERSITY

LƯU Ý CHẤM ĐIỂM AUN-QA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Khu II, Đường 3-7, Ph. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0923.872.170 Fax: 0923.838.474 Email: tblql@ctu.edu.vn

BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ AUN-QA CẤP CTĐT

STT	CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM						
		1	2	3	4	5	6	7
1	Kết quả học tập mong đợi							
1.1	Những KQHT mong đợi được xây dựng với cấu trúc rõ ràng và có nội dung gắn kết với tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường [1,2]							
1.2	Những KQHT mong đợi bao gồm những kết quả về chuyển môn lẫn phổ quát (ngôn ngữ, kỹ năng có thể chuyển giao) [3]							
1.3	Những KQHT mong đợi phải ảnh hưởng rõ ràng yêu cầu của các BUQ [4]							
Nhận xét chung								
2	Quy cách Chương trình							
2.1	Thông tin trong quy cách chương trình phải đầy đủ và cập nhật [1, 2]							

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

SANTHO UNIVERSITY

VÍ DỤ CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ AUN-QA

TIÊU CHUẨN 2								
2	Quy cách Chương trình	1	2	3	4	5	6	7
2.1	Thông tin trong quy cách chương trình phải đầy đủ và cập nhật				X			
2.2	Thông tin trong quy cách học phần phải đầy đủ và cập nhật			X				
2.3	Quy cách chương trình và quy cách học phần được thông tin đến và trình bày sẵn cho các bên liên quan				X			
	Nhận xét chung				?	?		

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

CENTRAL
TECHNOLOGY UNIVERSITY

VÍ DỤ CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ AUN-QA

TIÊU CHUẨN 5		1	2	3	4	5	6	7
5	Kiểm tra & Đánh giá							
5.1	Hoạt động kiểm tra đánh giá người học có kết cấu đồng bộ hướng tới việc đạt được những KQHT mong đợi				X			
5.2	Hoạt động kiểm tra đánh giá người học bao gồm lịch trình, phương pháp, qui định, trọng số, đáp án chấm điểm và thang điểm xếp loại phải rõ ràng và được thông tin tới người học					X		
5.3	Sử dụng những phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm đáp án chấm điểm và thang điểm nhằm bảo đảm kiểm tra đánh giá người học có độ giá trị, độ tin cậy, và sự công bằng				X			
5.4	Thông tin phản hồi về kiểm tra đánh giá người học phải kịp thời và giúp cải thiện việc học					X		
5.5	Người học dễ dàng tiếp cận được những thủ tục khiếu nại và phúc khảo					X		
Nhận xét chung					?	?		

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

www.ctu.edu.vn

VÍ DỤ CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ AUN-QA

TIÊU CHUẨN	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Phát triển Nông thôn	Thủ Y	Khoa học Cây trồng	Công nghệ Thực phẩm
1. Kết quả học tập mong đợi	4	4	3,7	4	3
2. Quy cách Chương trình đào tạo	4,66	4	4	4	4
3. Nội dung và u c Chương trình	4,33	4	4	4	4
4. Tiếp cận trong Giảng dạy và Học tập	4,33	4	4	5	4
5. Kiểm tra đánh giá Người học	4	3,8	4	5	4,6
6. Chất lượng đội ngũ cán bộ học thuật	4,71	4,85	4,7	5	4,4
7. Chất lượng đội ngũ cán bộ phục vụ	4,4	4,8	3,8	4	4
8. Chất lượng người học & Phục vụ người học	4,8	4	4	5	4,6
9. Cơ sở vật chất và Hạ tầng	4,2	4,2	5	4	4
10. Năng cao Chất lượng	4,16	4	4	4	4
11. Đầu ra	3,6	4	4,2	4	4
m trung nh	4,29	4,15	4,1	4,4	4,1

Consensus – Devotion – Quality – Innovation www.ctu.edu.vn

CANTHO UNIVERSITY



Cảm ơn quý Thầy Cô

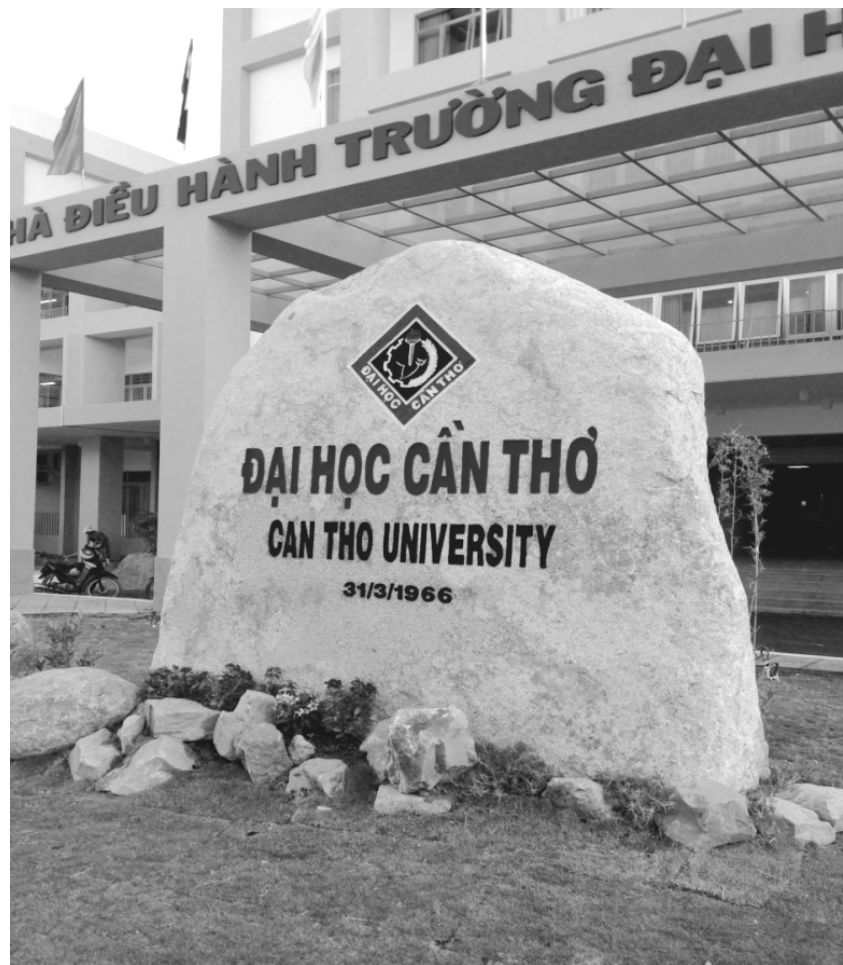
Consensus – Devotion – Quality – Innovation www.ctu.edu.vn

Hướng dẫn nội dung tiêu chuẩn
và viết báo cáo tự đánh giá chương trình
đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA:
Các tiêu chuẩn 1, 2, 6 và 7

*Phan Huy Hùng & các đồng nghiệp
Trung tâm Quản lý Chất lượng*

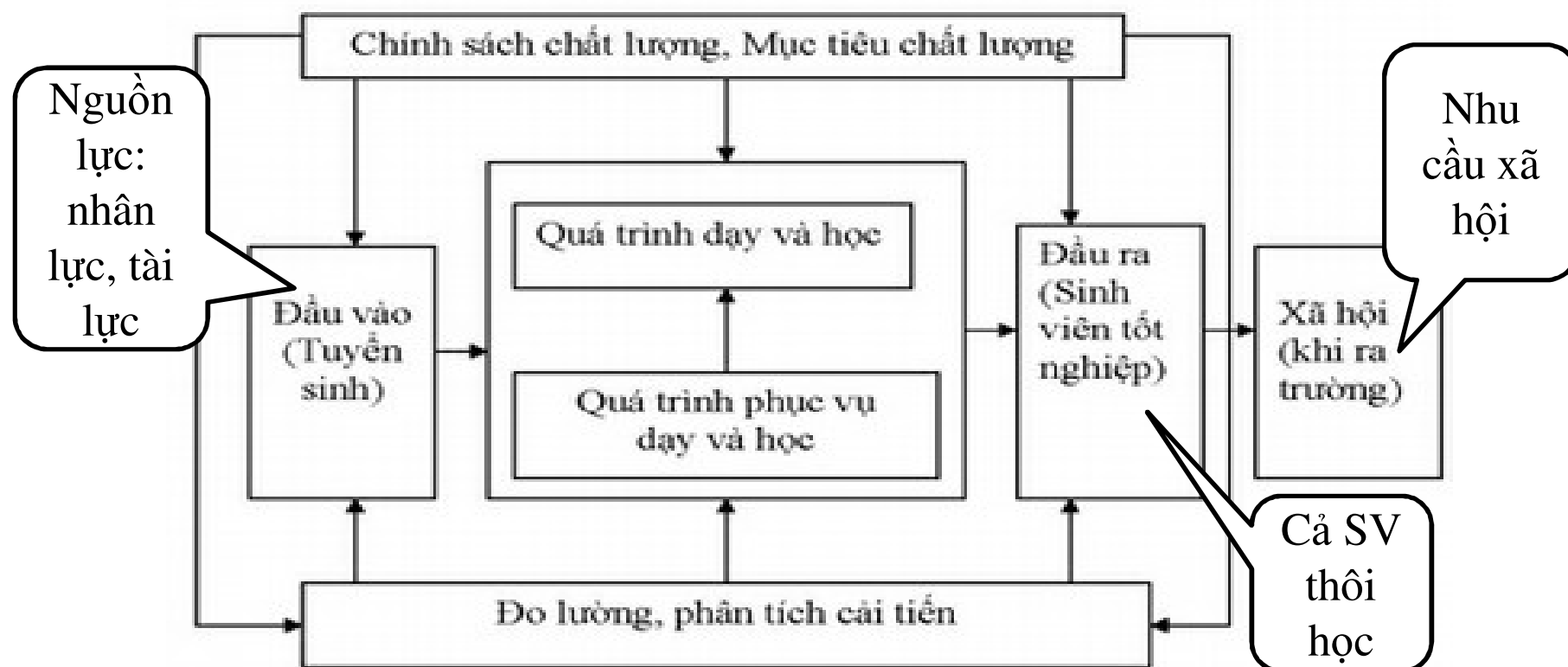
Nội dung chính

1. Mô hình ĐBCL CTĐT theo AUN-QA (ver.3.0)
2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT
3. Nội dung tiêu chuẩn và cách viết báo cáo TĐG



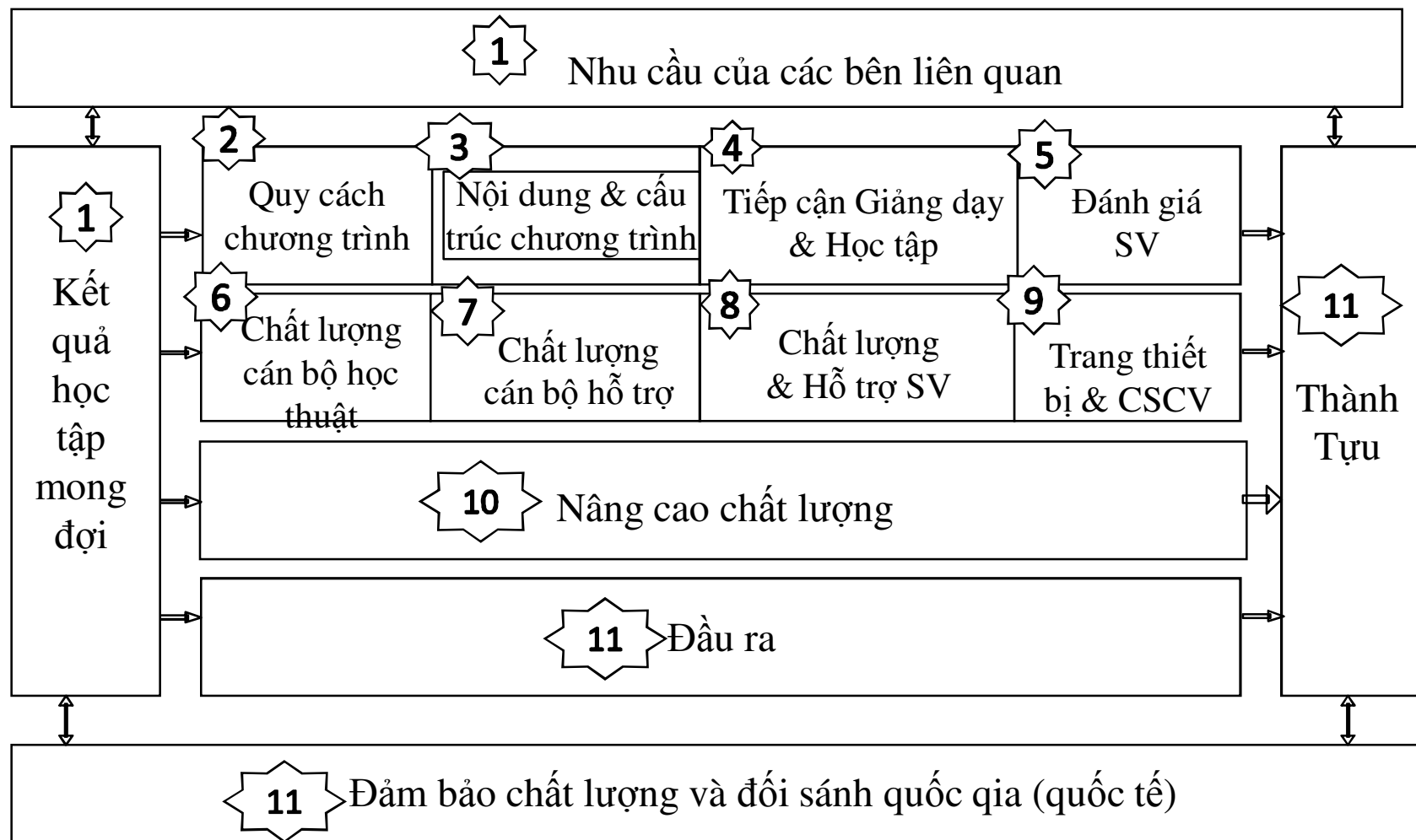
1. Mô hình ĐBCL CTĐT theo AUN-QA (ver.3.0)

- Chất lượng hoạt động giáo dục: **Chất lượng đầu vào – Chất lượng quá trình – Chất lượng đầu ra**



Các khâu cơ bản của quá trình đào tạo

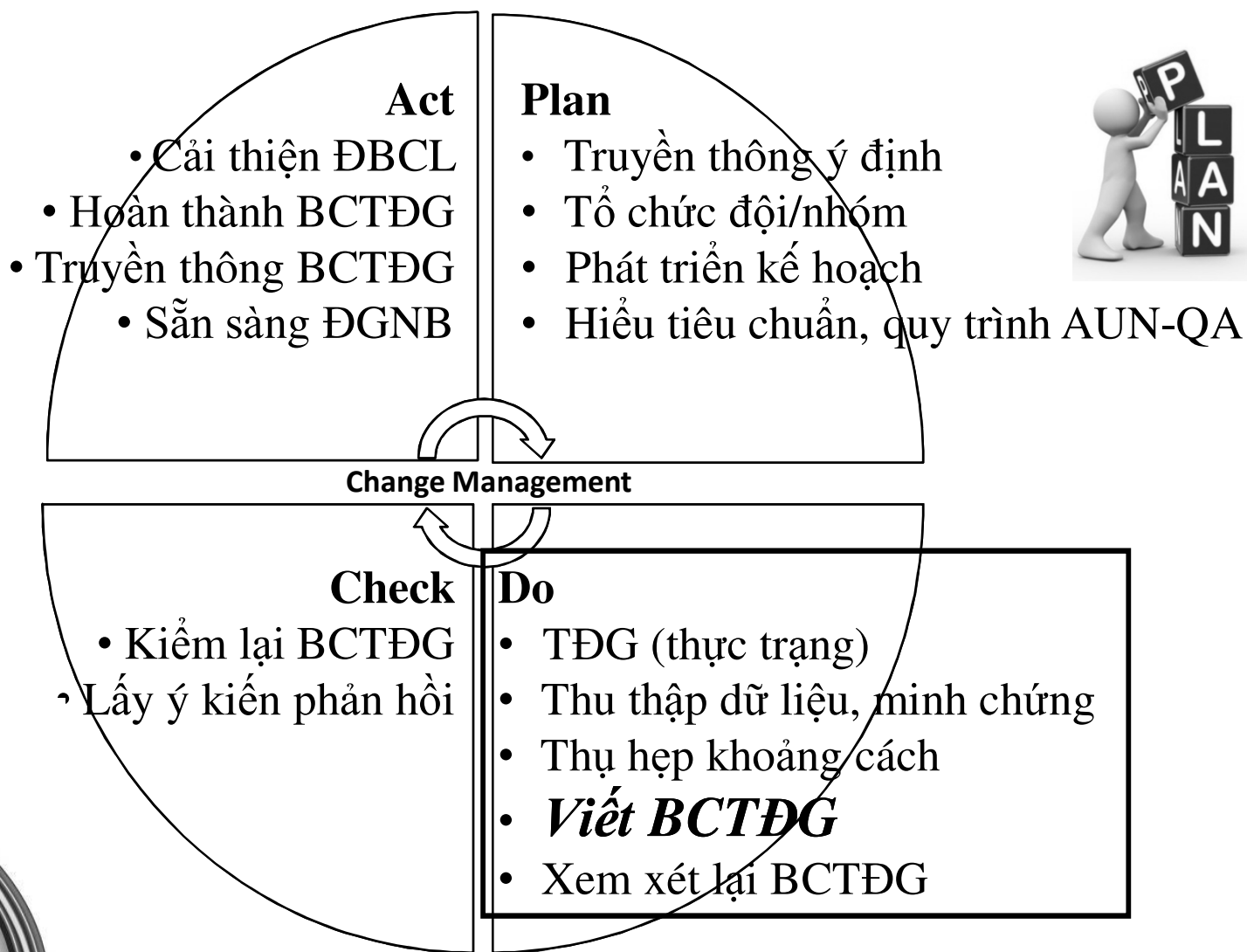
1. Mô hình ĐBCL CTĐT...(tt)



Tiêu chuẩn			Đặc tả	Tiêu chí
1	Các kết quả học tập mong đợi	<i>Thiết kế</i>	4	3
2	Quy cách chương trình		2	3
3	Nội dung & Cấu trúc chương trình		6	3
4	Tiếp cận trong giảng dạy & học tập	<i>Thực hiện</i>	6	3
5	Kiểm tra đánh giá người học		8	5
6	Chất lượng đội ngũ cán bộ học thuật		10	7
7	Chất lượng đội ngũ cán bộ phục vụ		5	5
8	Chất lượng người học & phục vụ người học		5	5
9	Cơ sở vật chất & hạ tầng		7	5
10	Nâng cao chất lượng		6	6
11	Đầu ra	<i>Hiệu quả</i>	3	5
Tổng cộng			62	50

Các tiêu chuẩn AUN-QA cấp chương trình (Phiên bản 3.0)

2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT



2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT (tt)

Bước 1: TĐG thực trạng

- Đối chiếu nội dung tiêu chuẩn AUN-QA
- Đối chiếu theo thang điểm đánh giá AUN-QA
- Thực trạng của CTĐT:
 - Điểm mạnh, điểm cần cải thiện.
 - Biện pháp và kế hoạch khắc phục.



Bước 1: TĐG thực trạng (tt)

Điểm	Phân loại Chất lượng	Giải thích Chất lượng và Cải thiện
1	Không có chất lượng	Không phù hợp ; phải cải thiện lập tức
2	Trong giai đoạn lập kế hoạch	Không phù hợp ; cần cải thiện
3	Có kế hoạch, nhưng chưa minh chứng được việc triển khai, áp dụng	Chưa phù hợp ; một vài cải thiện sẽ giúp chương trình trở nên phù hợp
4	Có kế hoạch và có minh chứng cho thấy việc triển khai, áp dụng	Phù hợp mong đợi (đáp ứng được các chỉ dẫn và tiêu chuẩn AUN-QA)
5	Có minh chứng cho thấy hiệu quả trong việc triển khai, áp dụng	Phù hợp hơn cả mong đợi (vượt trội các chỉ dẫn và tiêu chuẩn AUN-QA)
6	Điển hình cho các thực hành hảo hạng	Hảo hạng
7	Chất lượng ngoại hạng (đạt tầm quốc tế hay dẫn đầu khu vực)	Ngoại hạng

Thang đánh giá mức đạt chất lượng

2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT (tt)

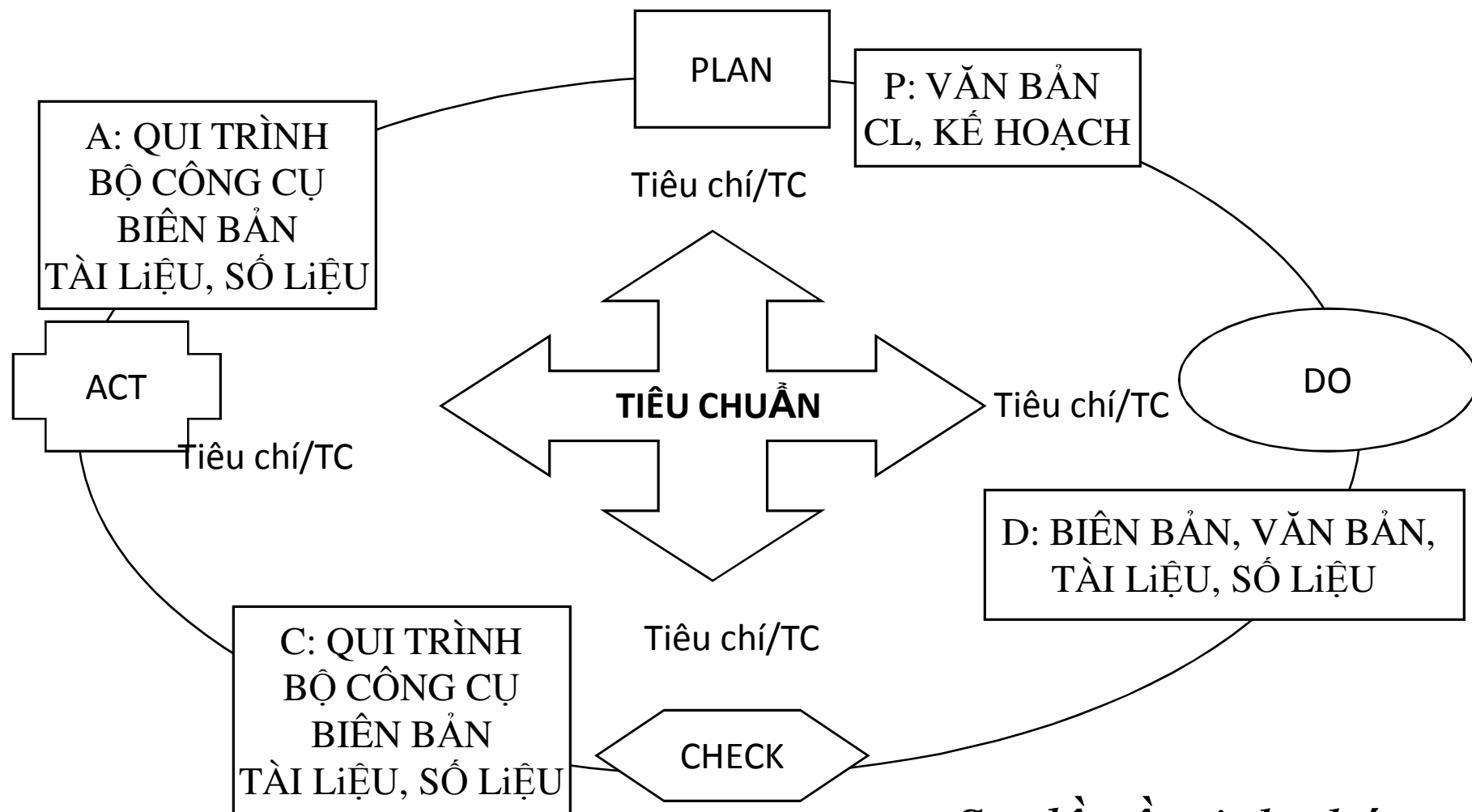
Bước 2: Thu thập thông tin minh chứng

- Minh chứng: Chứng minh, minh họa cho hoạt động
 - Các văn bản/tài liệu/hồ sơ: *Báo cáo tổng kết; thông báo triển khai; biên bản họp; quy định, hướng dẫn;...*
 - Dữ liệu thống kê: *Biểu mẫu thống kê trong quá trình quản lý; số liệu thống kê, con số "biết nói"...*
 - Phiếu khảo sát và kết quả khảo sát SV, GV, CBQL, NSDLĐ...
 - Thông tin thu được từ phỏng vấn các BLQ
 - Biên bản, ghi chép: *Toạ đàm, hội thảo, hội nghị;...*
 - *Quan sát, khảo sát thực tế.*
- Xác định các minh chứng cần thu thập.

Bước 2: Thu thập thông tin minh chứng (tt)

- Thông qua phỏng vấn, trao đổi với các BLQ trong và ngoài trường, thu thập thông tin tại các đơn vị... cho từng tiêu chuẩn
- Xác minh độ tin cậy, tính chính xác
- Xác định nguồn cung cấp và đối chiếu các văn bản
- Xác định thông tin, minh chứng còn thiếu và tiến hành thu thập.
- Xác định và thu thập thông tin thể hiện cho việc đối sánh, so sánh.

Bước 2: Thu thập thông tin minh chứng (tt)



Sơ đồ về minh chứng

2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT (tt)

Bước 3: Khắc phục khuyết điểm

- Khuyết điểm xuất hiện trong các trường hợp:
 - *Thực trạng chưa đạt yêu cầu của tiêu chuẩn AUN-QA;*
 - *Chưa đạt được điểm số mong đợi;*
 - *Kết quả thực hiện chưa thỏa mãn yêu cầu (các BLQ).*
- Xác định khuyết điểm: *ngắn hạn, dài hạn*
- Xác định nguyên nhân
- Lập kế hoạch và triển khai giải pháp khắc phục, cả ngắn hạn lẫn dài hạn.

2. Tiếp cận PDCA để TĐG CTĐT (tt)

Bước 4: Viết và xem xét hoàn chỉnh báo cáo TĐG CTĐT

Phần 1. Giới thiệu

- Trang mục lục
- Tóm tắt quá trình thực hiện
- Công tác tổ chức tự đánh giá
- Giới thiệu ngắn về trường, khoa, bộ môn

Phần 2. Mô tả các tiêu chuẩn AUN (checklist)

- Mô tả cụ thể cách thức trường, khoa đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- Chỉ ra các minh chứng.

Phần 3. Phân tích điểm mạnh, điểm cần cải tiến:

- Tóm tắt điểm mạnh
- Tóm tắt điểm cần cải tiến
- Tự đánh giá điểm vào bảng “checklist”
- Kế hoạch cải tiến

Phần 4. Phụ lục

- Bảng danh mục
- Các văn bản bổ trợ, minh chứng

CÁCH VIẾT

	CÂU HỎI CHUNG
Approach (P)	▪ Hoạt động đó là gì? ▪ Mục đích thực hiện hoạt động đó là gì? ▪ Ai có liên quan trong hoạt động đó? ▪ Các bước được thực hiện như thế nào?
	CÂU HỎI CHUNG
Deployment (D)	▪ Hoạt động được bắt đầu thực hiện khi nào? Đã được thực hiện trong bao lâu? ▪ Ai tham gia thực hiện? Cấp nào? ▪ Hoạt động được thực hiện ở phạm vi nào? (Trường, khoa, bộ môn)

CÁCH VIẾT (tt)

	CÂU HỎI CHUNG
Results (C)	▪ Tiêu chí để đánh giá kết quả của hoạt động này là gì? ▪ Kết quả đạt được trong quá khứ và hiện tại của hoạt động này là gì? ▪ Xu hướng được biểu hiện như thế nào? Mục tiêu cần đạt được là gì? ▪ Kết quả nào mang tính so sánh, cạnh tranh?
	CÂU HỎI CHUNG
Improvem ent (A)	▪ Hoạt động/ quy trình này có bao giờ được cải thiện chưa? ▪ Ví dụ cho sự cải thiện đó? ▪ Sự cải thiện đó có mang lại hiệu quả như thế nào?

Bước 4: Viết và xem xét hoàn chỉnh báo cáo TĐG CTĐT (tt)

❖ Viết các tiêu chuẩn định tính (1, 2, 3, 4, 5)

What	• Hoạt động đó là gì? → Mô tả về tiêu chuẩn
How	• Hoạt động được thực hiện như thế nào? • Ai thực hiện? • Thực hiện khi nào? • Thực hiện ở đâu? → Mô tả tiến trình/ quy trình thực hiện
Why	• Tại sao có các tồn tại? → Mô tả các điểm còn tồn tại và kế hoạch khắc phục

Bước 4: Viết và xem xét hoàn chỉnh...(tt)

❖ Viết các tiêu chuẩn định lượng (11)

What	• Kết quả hoạt động hiện tại? • Kết quả hoạt động trước đây? • Kế hoạch, mục tiêu cần hướng tới? • Xu hướng? → Mô tả kết quả của hoạt động
How	• Hoạt động này khi so sánh với quá khứ? • Hoạt động này khi đối sánh với các trường khác? → Mô tả việc so sánh các kết quả hoạt động
Why	• Tại sao kết quả không đạt được như mong đợi? → Mô tả các tồn tại và kế hoạch khắc phục

Bước 4: Viết và xem xét hoàn chỉnh...(tt)

❖ **Viết các tiêu chuẩn vừa định tính vừa định lượng (6,7, 8, 9)**

What	• Hoạt động đó là gì? → Mô tả về tiêu chuẩn	• Kết quả hoạt động hiện tại? Kết quả hoạt động trước đây? Kế hoạch, mục tiêu cần hướng tới? • Xu hướng? → Mô tả kết quả của hoạt động
How	• Hoạt động được thực hiện như thế nào? Ai thực hiện? Thực hiện khi nào? Thực hiện ở đâu? → Mô tả tiến trình/ quy trình thực hiện	• Hoạt động này so với quá khứ? • Hoạt động này đối sánh với trường khác? → Mô tả việc so sánh các kết quả hoạt động
Why	• Tại sao có các tồn tại? → Mô tả các điểm còn tồn tại và kế hoạch cải tiến	• Tại sao kết quả không đạt được như mong đợi? → Mô tả các tồn tại và kế hoạch khắc phục

3. Nội dung tiêu chuẩn và cách viết báo cáo TĐG

3.1. Tiêu chuẩn 1: Kết quả học tập mong đợi

ĐẶC TẢ TIÊU CHUẨN 1	
1	Những KQHT mong đợi được xây dựng trên cơ sở cân nhắc và giúp phản ánh được tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường. Tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường phải rõ ràng, khúc chiết và được cán bộ và người học biết đến.
2	Chương trình công bố những KQHT mong đợi của người tốt nghiệp. Mỗi học phần và bài học phải được thiết kế mạch lạc giúp đạt được những KQHT tương ứng có sự gắn kết với những KQHT mong đợi của chương trình.

3.1. Tiêu chuẩn 1: Kết quả học tập mong đợi (tt)

ĐẶC TẢ TIÊU CHUẨN 1	
3	Chương trình được thiết kế bao gồm những kết quả về chuyên môn có liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành lẫn những kết quả phổ quát (còn gọi là những kỹ năng có thể chuyển giao) có liên quan tới mọi ngành, nghĩa là các kỹ năng giúp giao tiếp qua đối thoại và bằng văn bản, giải quyết vấn đề, công nghệ thông tin, xây dựng tổ nhóm,...
4	Chương trình cho thấy việc xây dựng những KQHT mong đợi phản ánh được những đòi hỏi và nhu cầu chính đáng của các BLQ.

Các tiêu chí chấm điểm Tiêu chuẩn 1:

1	Kết quả học tập mong đợi	1	2	3	4	5	6	7
1.1	Những KQHT mong đợi được xây dựng với cấu trúc rõ ràng và có nội dung gắn kết với tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường [1,2]							
1.2	Những KQHT mong đợi bao gồm những kết quả về chuyên môn lẫn phổ quát (nghĩa là kỹ năng có thể chuyển giao) [3]							
1.3	Những KQHT mong đợi phản ánh rõ ràng yêu cầu của các BLQ [4]							
	<i>Nhận xét chung</i>							

Các câu hỏi chẩn đoán Tiêu chuẩn 1:

- 1) Mục đích của CTĐT là gì?
- 2) Những KQHT mong đợi của CTĐT/học phần?
- 3) Cách thức xây dựng những KQHT mong đợi này?
- 4) Những KQHT mong đợi có phản ánh tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường, khoa hay bộ môn hay không?
- 5) Thị trường lao động có đặt ra các yêu cầu cụ thể mà người học tốt nghiệp từ chương trình phải đáp ứng hay không?
- 6) Nội dung trong CTĐT được điều chỉnh phù hợp với thị trường lao động tới mức độ nào?

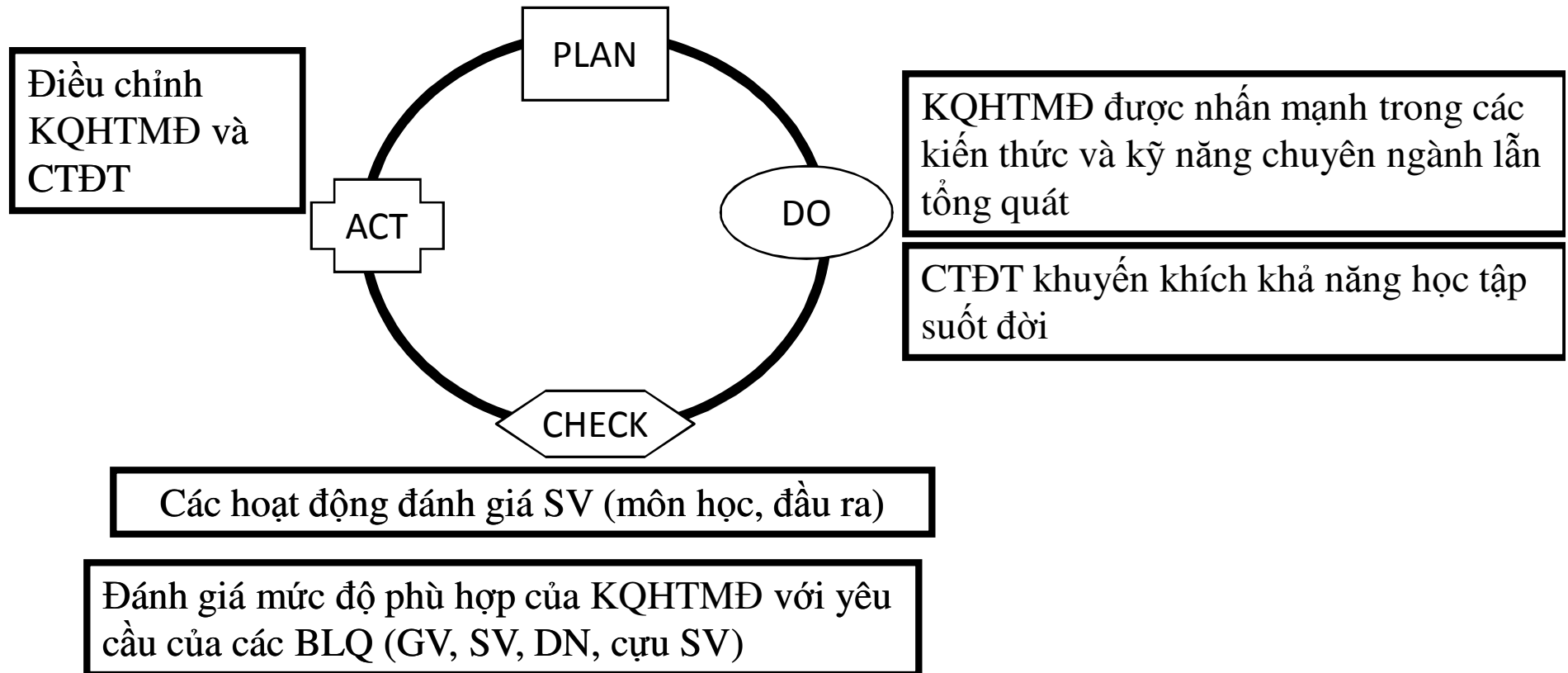
Các câu hỏi chẩn đoán Tiêu chuẩn 1 (tt):

- 7) Có hay không một hồ sơ mô tả công việc được xác định rõ ràng?
- 8) Cách thức thông tin những KQHT mong đợi tới cán bộ và người học?
- 9) Những KQHT liệu có thể đo lường được và đạt được hay không? Bằng cách nào
- 10) Mức độ đạt được những KQHT mong đợi?
- 11) Những KQHT mong đợi có được rà soát định kỳ hay không?
- 12) Cách chuyển tải những KQHT mong đợi thành những yêu cầu cụ thể đối với người học tốt nghiệp từ chương trình (về kiến thức, kỹ năng và thái độ bao gồm cả thói quen tư duy)?

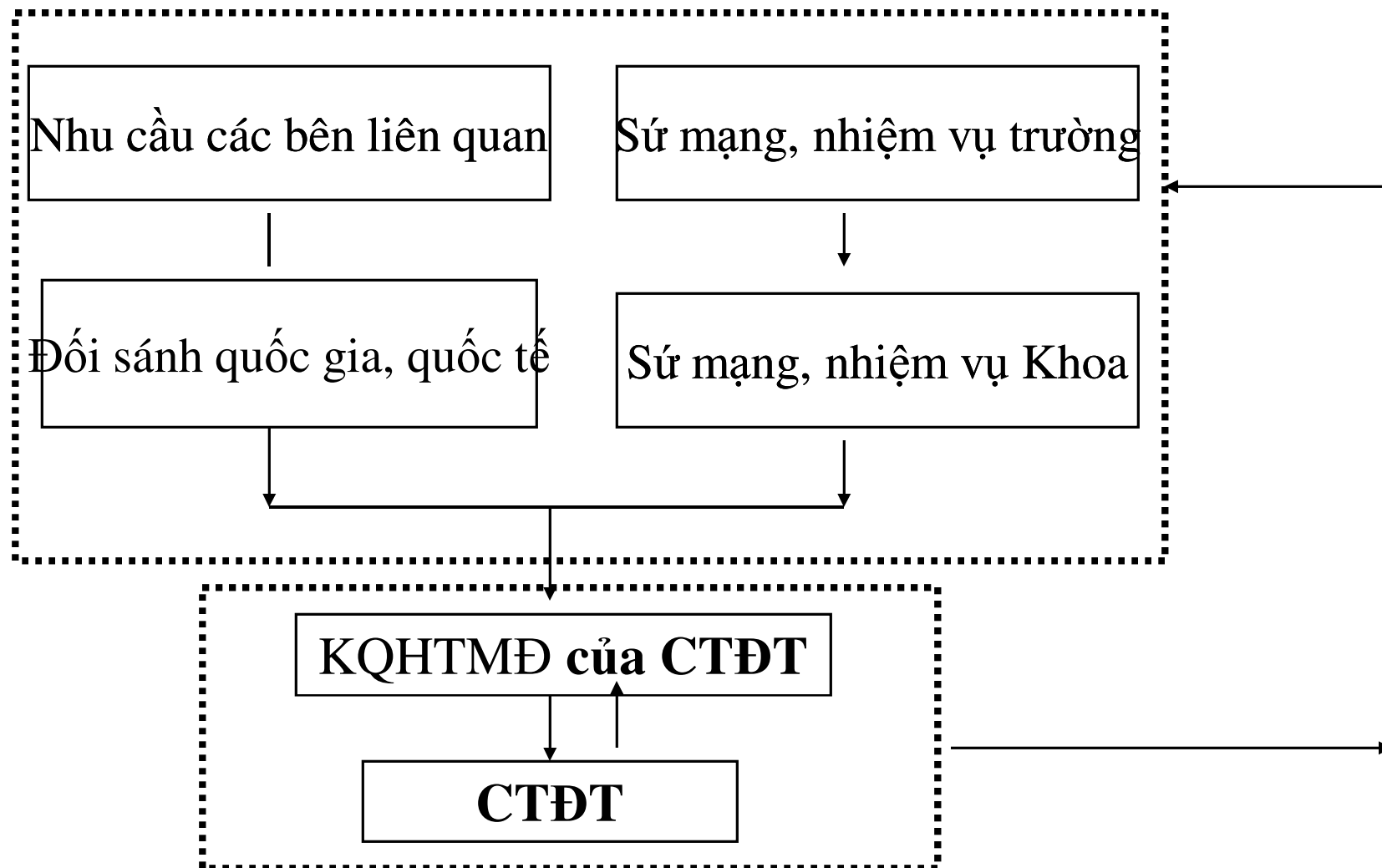
Tiếp cận PDCA: Kết quả học tập mong đợi

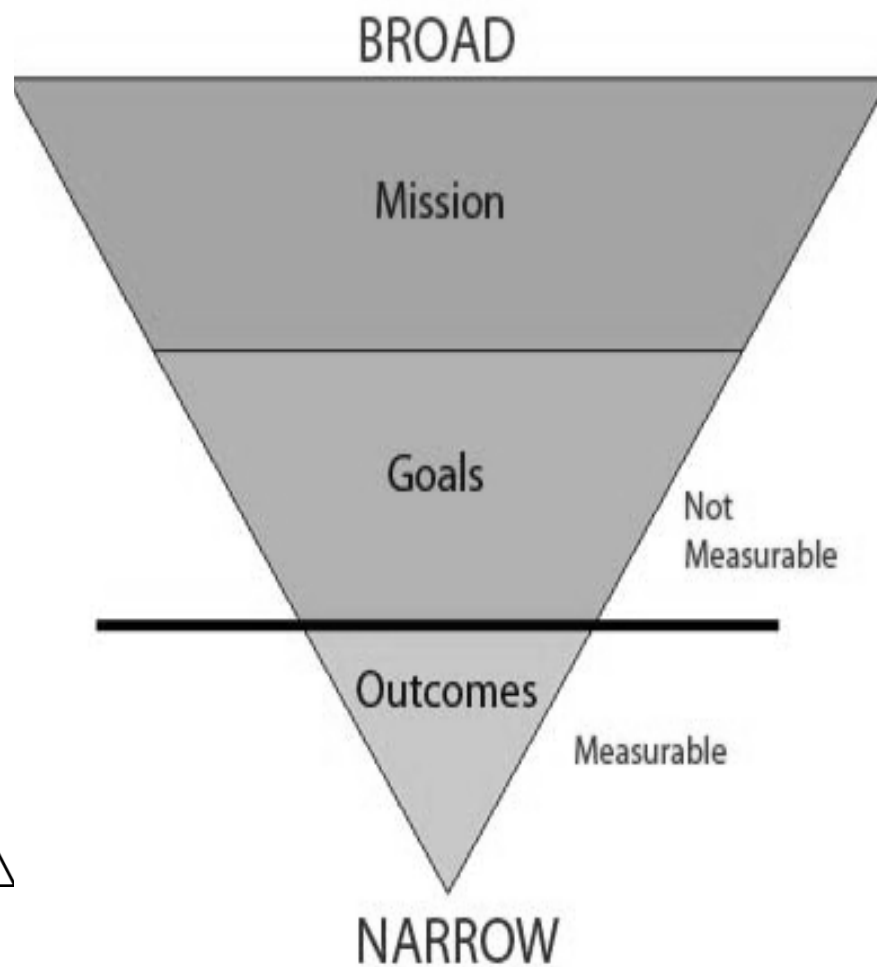
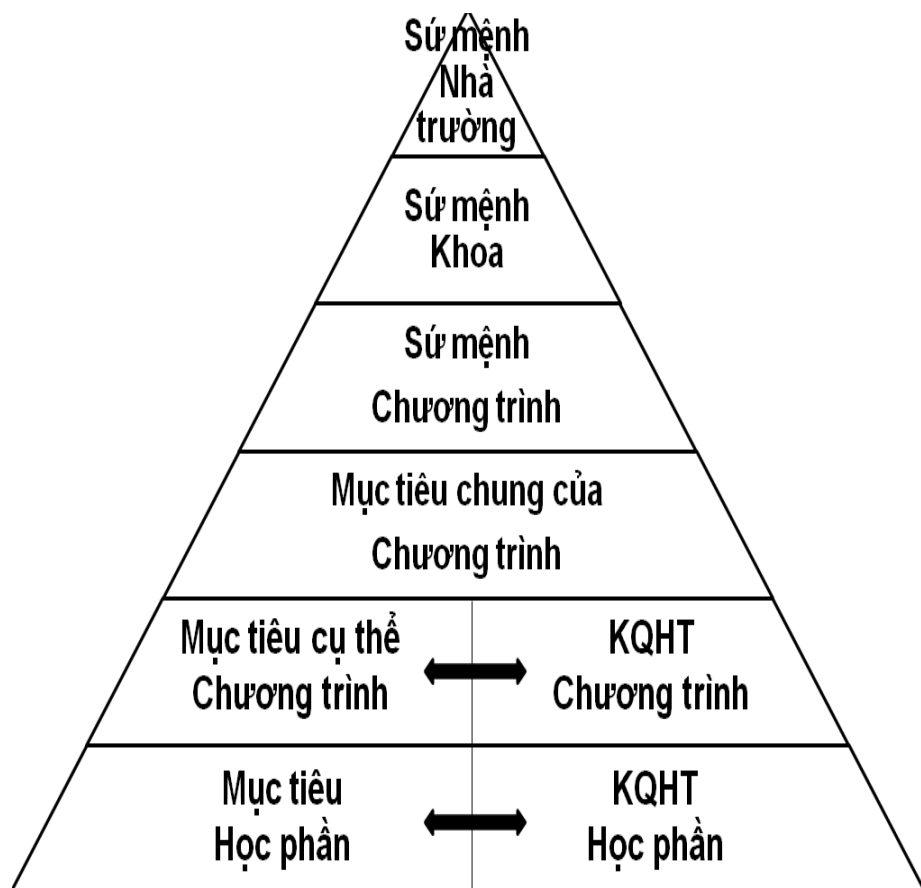
KQHTMĐ phản ánh yêu cầu của các BLQ

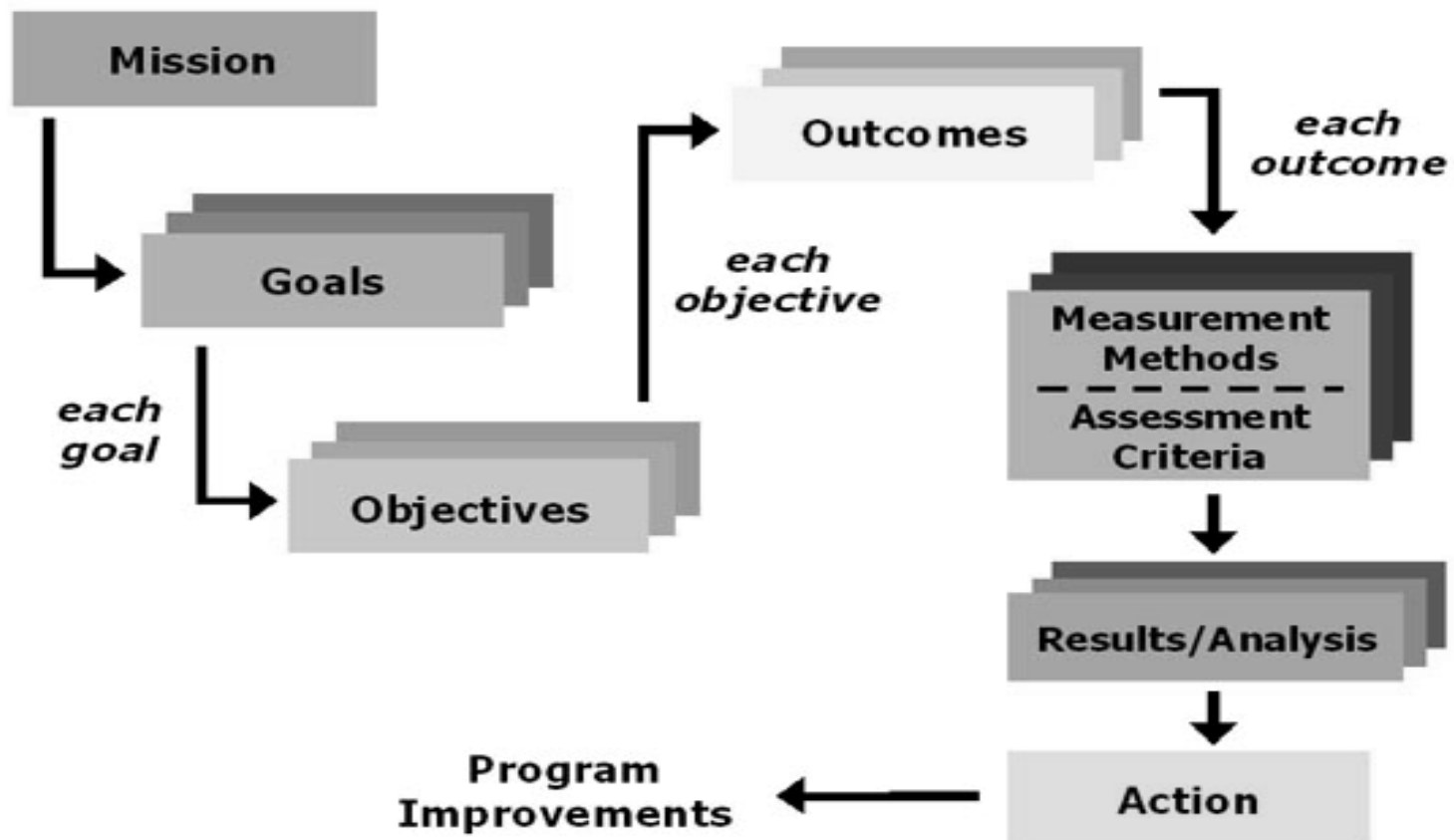
KQHTMĐ được xác định rõ ràng và được chuyển tải vào trong CTĐT



ĐBCL trong xây dựng KQHTMĐ







Lưu đồ về sứ mạng, mục đích, mục tiêu, KQHT

Sứ mệnh Trường ĐHCT

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là trung tâm đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia có đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

<i>Sứ mệnh khoa Thủy sản</i>	
• Cung cấp các CTĐT bậc đại học và sau đại học ngành Nuôi trồng Thủy sản.	
• Hướng dẫn nghiên cứu phát triển, môi trường, quản lý nguồn nuôi trồng thủy sản và hệ sinh thái biển.	
• Chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng thủy sản tăng lợi nhuận cho nông dân trong sản xuất hàng hóa của khu vực ĐBSCL và các khu vực khác (xuất khẩu).	

Sứ mệnh của CTĐT Cử nhân Sinh học là nhằm chuẩn bị cho các sinh viên làm việc trong các lĩnh vực khác nhau có liên quan tới sinh học và/hoặc mưu cầu các văn bằng cao cấp hơn trong các trường đào tạo về sinh học hay chuyên môn liên quan tới sức khỏe thông qua việc giáo dục đào tạo cho các em các căn bản khái niệm, tri thức, và kỹ thuật thực địa/phòng thí nghiệm và kỹ năng về Khoa học đời sống (ngành sinh học).

Nội dung chuẩn đầu ra (Bộ GD&ĐT)

- a) **Tên ngành đào tạo:** tiếng Việt và tiếng Anh;
- b) **Trình độ đào tạo:** cao đẳng hoặc đại học;
- c) **Yêu cầu về kiến thức:** tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,...
- d) **Yêu cầu về kỹ năng:**
 - **Kỹ năng cứng:** chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề,...
 - **Kỹ năng mềm:** giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, ...

Nội dung chuẩn đầu ra (Bộ GD&ĐT) (tt)

e) Yêu cầu về thái độ:

- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;
- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân;
- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo.

f) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

g) Khả năng học tập, nâng cao trình độ khi ra trường;

h) Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

Yêu cầu về năng lực trình độ đại học (TT 07/2015)

- Yêu cầu chung: 3
 1. Đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp;
 2. Trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh;
 3. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.
- Kiến thức: 4
- Kỹ năng: 6
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: 7

Ví dụ: Tuyên bố KQHT của CTĐT

1. Áp dụng kiến thức toán, khoa học và kỹ thuật
2. Có kiến thức về các hệ thống điều khiển tự động của nhân loại
3. Có trách nhiệm đối với xã hội và đạo đức nghề nghiệp.
4. Học tập suốt đời

1. Có khả năng áp dụng các kiến thức toán, khoa học vào giải quyết các vấn đề thuộc về kỹ thuật điện
2. Biết phân tích (thiết kế) một hệ thống điều khiển tự động
3. Hiểu biết về trách nhiệm xã hội và có đạo đức nghề nghiệp
4. Có nhu cầu và khả năng học tập suốt đời

• *Cần chuyển đổi theo đặc thù ngành: BIẾT, GIẢI THÍCH, PHÂN TÍCH, THIẾT KẾ, ÁP DỤNG, ĐÁNH GIÁ, SÁNG TẠO...*

Diễn hình tốt

- Sử dụng nhiều phương tiện phổ biến CĐR đến các BLQ: *sổ tay SV, website khoa, brochure khoa, Sổ tay GV*
- Thực hiện nhiều hình thức phổ biến và giải thích cho các thành phần liên quan về CĐR: *qua hệ thống CVHT, họp mặt SV, cựu SV, DN...*
- Sử dụng nhiều phương thức đa dạng đo lường việc đạt được CĐR (đánh giá bởi các thành phần từ bên trong và bên ngoài):
 - *Có các tiêu chí cụ thể và các PP đánh giá mức độ SV đạt được CĐR thông qua môn học, học phần, năm học, đầu ra.*
 - *Phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu SV về chất lượng.*
 - *Kiểm toán nội bộ CTĐT.*
 - *Kiểm định chất lượng CTĐT bởi các tổ chức bên ngoài.*

Danh mục đối chiếu viết sứ mệnh của chương trình

	Các câu hỏi đối chiếu	Có	Không
1	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có rõ ràng và súc tích?		
2	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có khu biệt và dễ nhớ?		
3	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có trình bày một cách rõ ràng mục đích của CTĐT?		
4	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có chỉ ra được các chức năng và các hoạt động chính của CTĐT?		
5	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có chỉ ra được bên liên quan là ai hay không?		
6	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có hỗ trợ cho tuyên bố sứ mệnh của bộ môn, khoa, và nhà trường hay không?		
7	Tuyên bố sứ mệnh của CTĐT có phản ánh các ưu tiên và giá trị của CTĐT hay không?		

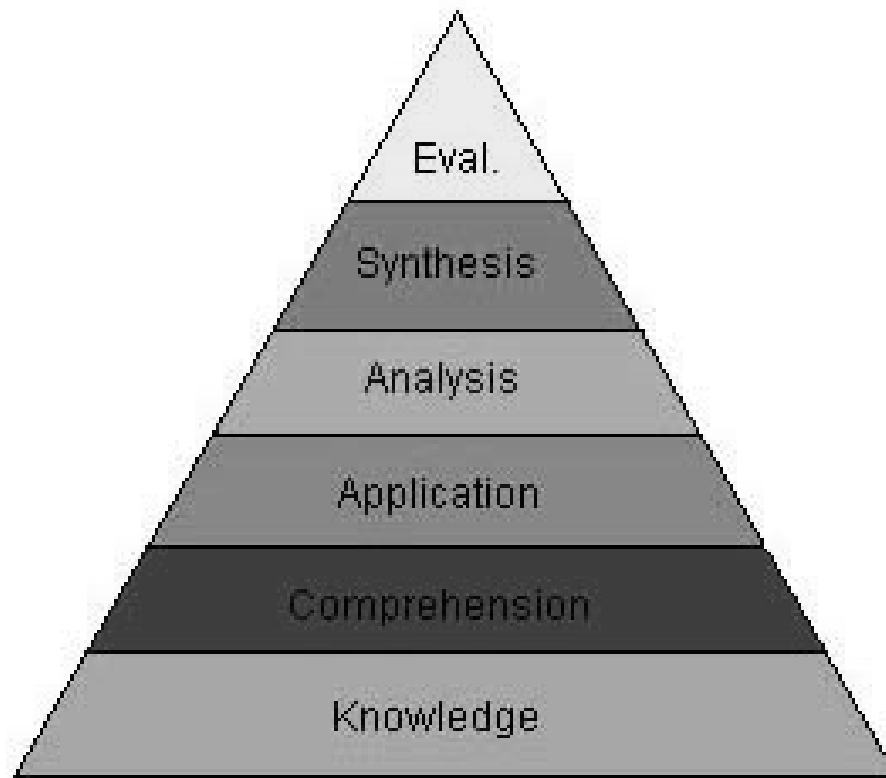
Danh mục đối chiếu viết Mục tiêu chung của chương trình

	<i>Các câu hỏi đối chiếu</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
1	Các mục tiêu chung của CTĐT có thống nhất với sứ mệnh của CTĐT và của đơn vị hay không?		
2	Các mục tiêu chung của CTĐT có ăn khớp với các giá trị của CTĐT hay không?		
3	Các mục tiêu chung của CTĐT có giúp mô tả được thành quả mong đợi của CTĐT hay không?		
4	Các mục tiêu chung của CTĐT có tuân thủ các văn bản quy định của nhà trường, Bộ GD&ĐT, và nhà nước hay không?		

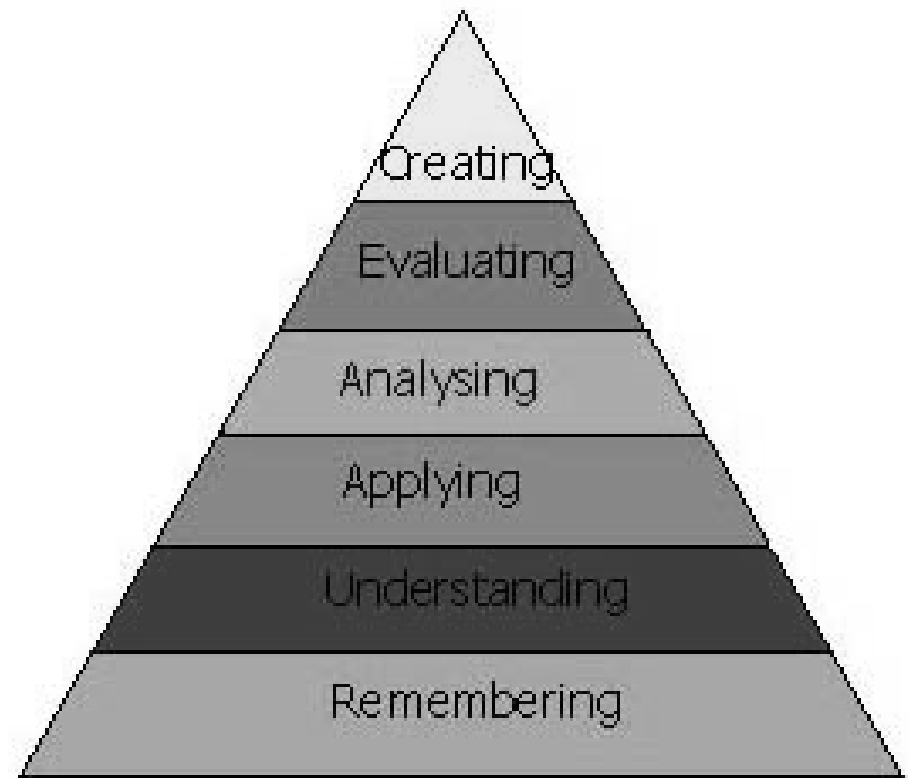
Ví dụ: Liên hệ giữa sứ mệnh của trường, mục tiêu của khoa, CTĐT và học phần

Sứ mệnh cấp trường	<i>Tăng cường quốc tế hóa.</i>
Mục tiêu cấp khoa	- Khuyến khích hợp tác quốc tế; - Thiết kế CTĐT quốc tế; - Tăng số SV quốc tế thêm x %; - Tăng mạnh số sinh viên du học; - Mời giảng viên nước ngoài.
Mục tiêu cấp CTĐT	- Hoàn thành các học phần ngoại ngữ thật tốt; - Đầu tư vào các học kỳ ở nước ngoài.
Mục tiêu cấp học phần	- Tóm tắt các bài báo, bài viết và các ấn phẩm của trung tâm phát hành của người Anh bản xứ; - Sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành; - Bày tỏ các quan điểm của mình dựa trên các ấn phẩm liên quan bằng tiếng Anh; - Phản ánh các xu thế lý luận khác nhau về các bất đồng ngôn ngữ.

Bloom's Taxonomy: 1956 & 1999 (cập nhật)



Old Version



New Version

Tóm lược nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục của Bloom

Cấp độ	Nhận thức (Kiến thức)	Cảm xúc (Thái độ)	Tâm thần vận động (Kỹ năng)
1	Nhớ các dữ kiện	Tiếp nhận (nhận thức)	Bắt chước (sao chép)
2	Hiểu	Đáp lại (phản lại)	Thao tác (làm theo những chỉ dẫn)
3	Áp dụng (sử dụng)	Ước định (hiểu và hành động)	Xây dựng tính chính xác
4	Phân tích (cấu trúc/thành tố)	Tổ chức hệ thống xác định giá trị cá nhân	Khớp nối (kết hợp, tích hợp những kỹ năng liên quan)
5	Đánh giá (đánh giá và nhận xét theo tính chất liên hệ)	Tiếp nhận hệ thống xác định giá trị (tiếp nhận hành vi)	Tự nhiên hóa (tự động hóa, trở thành chuyên gia)
6	Xây dựng tổng hợp (tạo dựng/xây dựng)		

Lựa chọn các hoạt động đánh giá cho lĩnh vực nhận thức của Bloom

Lĩnh vực đề đánh giá	Các động từ về kết quả đầu ra điển hình	Các hoạt động đánh giá
1. Nhớ và hiểu <i>Những kỹ năng này chủ yếu liên quan đến những gì học viên biết</i>	Biết, kể ra, liệt kê, kể lại, giải thích, miêu tả, xác định, đặt tên, thuật lại, trả lời, nhận thức, hình thành, sao chép, sử dụng, nhớ lại, hiểu, mô phỏng lại, hoàn tất, định vị, gán nhãn.	• Trắc nghiệm kiến thức nền (trắc nghiệm nhiều lựa chọn/đúng sai). • Liệt kê cách hoạt động (từ ngữ, số, ảnh) • Phác thảo đề cương (dùng từ, cụm từ ngắn gọn, câu vắn tắt) • Bài tập điền vào chỗ trống (sử dụng các chỗ trống và ô trống trong một ma trận) • Bài tập tìm từ thích hợp (từ có nghĩa, câu hỏi có đáp án trả lời) • Gán nhãn cho một biểu đồ • Các hoạt động cơ bản (tính toán, thực tế) • Xác định các loại que hàn...

*Lựa chọn các hoạt động đánh giá
cho lĩnh vực nhận thức của Bloom (tt)*

Lĩnh vực để đánh giá	Các động từ về kết quả đầu ra điển hình	Các hoạt động đánh giá
2. Phân tích <i>Những kỹ năng này liên quan đến việc học về “làm thế nào” hơn là “cái gì”.</i>	Giải thích, phân tích, điều tra, đo lường, thăm dò, đặt câu hỏi, nhận ra, xác định, phân tách, phân loại, thu thập, miêu tả, gom tụ, lập luận, suy luận, tổ chức, phân biệt, quan sát, đánh giá, lựa chọn.	• Phân mục (phân loại thông tin). • Định nghĩa (nhận ra các đặc điểm phân biệt). • Tán thành và phản đối (nhận ra những điểm có lợi và bất lợi). • Phân tích các nghiên cứu tình huống (phân tích, đánh giá và đưa ra ý kiến). • Điều tra, thu thập dữ liệu, phỏng vấn. • Nghiên cứu. • Tranh luận. • Thảo luận. • Chẩn đoán những động vật ốm đau...

3.2. Tiêu chuẩn 2: Quy cách Chương trình

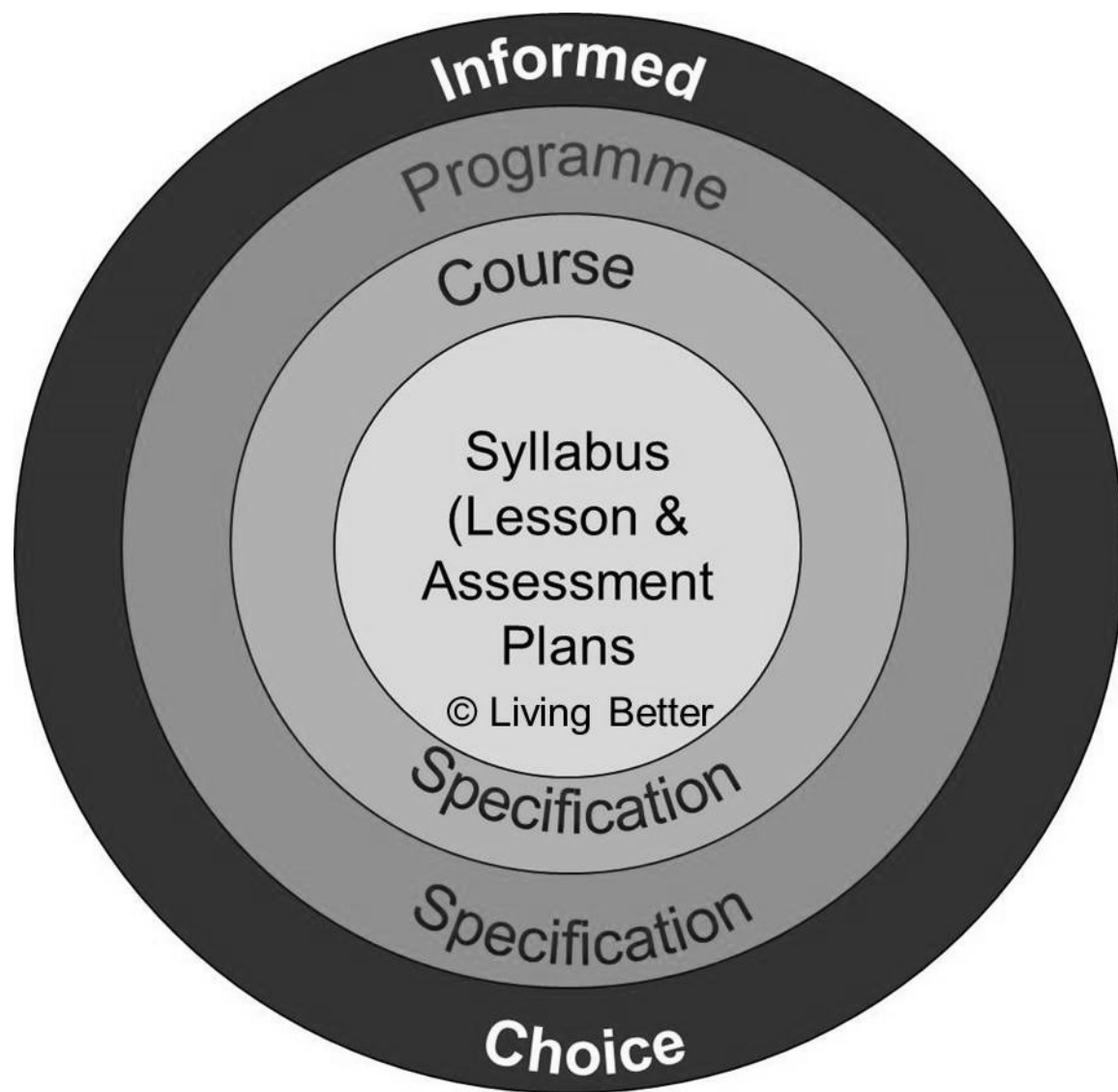
ĐẶC TẢ TIÊU CHUẨN 2

¹	Nhà trường phải công bố và thông tin rộng rãi quy cách chương trình và quy cách học phần cho những CTĐT mình cung cấp, trong đó có các thông tin chi tiết giúp các BLQ có sự lựa chọn một chương trình dựa trên sự hiểu biết đầy đủ.
²	Quy cách chương trình chứa đựng quy cách các học phần trong chương trình giúp mô tả được những KQHT mong đợi về các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, và thái độ. Những tài liệu quy cách này giúp người học hiểu biết phương pháp dạy và học trong chương trình qua đó giúp đạt được KQHT mong đợi; phương pháp kiểm tra đánh giá qua đó thể hiện việc đạt được KQHT mong đợi; và mối quan hệ trong toàn bộ chương trình và giữa các thành tố học tập trong chương trình.

Các tiêu chí chấm điểm Tiêu chuẩn 2:

2	Quy cách Chương trình	1	2	3	4	5	6	7
2.1	Thông tin trong quy cách chương trình phải đầy đủ và cập nhật [1, 2]							
2.2	Thông tin trong quy cách học phần phải đầy đủ và cập nhật [1, 2]							
2.3	Quy cách chương trình và quy cách học phần được thông tin đến và trình bày sẵn cho các BLQ [1, 2]							
	<i>Nhận xét chung</i>							

Principle of Programme Specification



Quy cách chương trình

- Cơ quan/cơ sở cấp bằng
- Cơ sở đào tạo, giảng dạy (nếu không phải cơ sở cấp bằng)
- Chi tiết về kiểm định chương trình của một cơ quan luật định hay cơ quan chuyên môn
- Tên gọi văn bằng
- Tên gọi chương trình
- Những KQHT mong đợi của chương trình
- Tiêu chí hay yêu cầu tuyển sinh đầu vào cho chương trình
- Các tuyên ngôn đối sánh về chuyên môn có liên quan và các điểm tham chiếu bên trong và bên ngoài khác được sử dụng giúp thông tin về kết quả đào tạo của chương trình
- Cấu trúc CTĐT và các yêu cầu bao gồm trình độ đào tạo, học phần, tín chỉ...
- Thời điểm xây dựng hoặc hiệu chỉnh quy cách chương trình

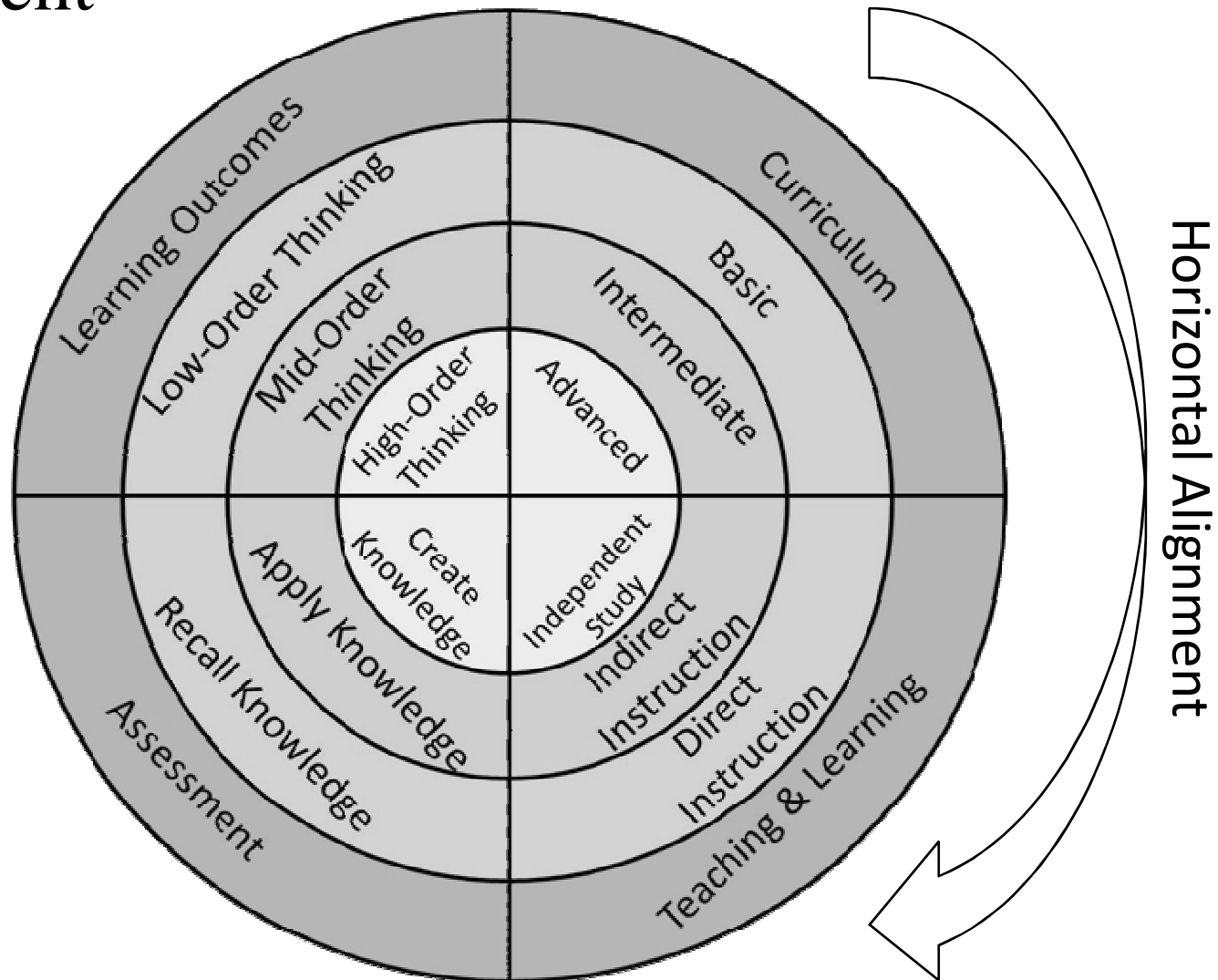
Quy cách học phần

- Tên gọi học phần
- Các yêu cầu của học phần đơn cử như điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, tín chỉ...
- Những KQHT mong đợi của học phần về kiến thức, kỹ năng và thái độ
- Các phương pháp dạy, học, và kiểm tra đánh giá giúp đạt được và trình diễn được các KQHT của học phần
- Mô tả học phần và đề cương học phần
- Thông tin chi tiết về kiểm tra đánh giá người học
- Thời điểm xây dựng hoặc hiệu chỉnh quy cách học phần

Các câu hỏi chẩn đoán Tiêu chuẩn 2

- Những KQHT mong đợi có được chuyển tải vào trong chương trình và các học phần hay không?
- Những thông tin gì được đưa vào quy cách chương trình và quy cách học phần?
- Quy cách học phần có được chuẩn hóa trong toàn bộ chương trình?
- Quy cách CTĐT có được xuất bản và thông tin tới các BLQ?
- Quy trình nào giúp rà soát quy cách chương trình và quy cách học phần?

Principle of Programme Structure & Content

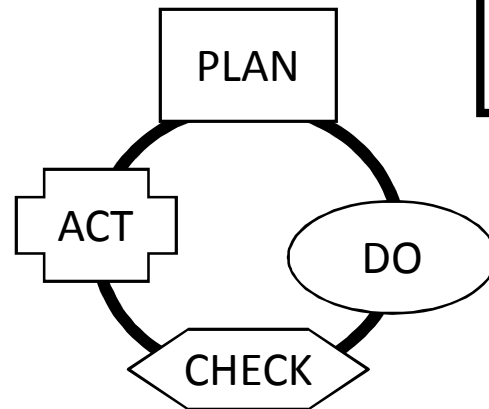


©Living Better

Tiếp cận PDCA: Quy cách CTĐT

Có bảng quy cách CTĐT thể hiện các KQHTMĐ và cách dạy, học, nội dung để đạt được các kết quả này

Cải tiến
Bảng mô tả
CTĐT và
các công cụ
thông tin về
CTĐT chi tiết



Bảng mô tả chương trình chứa nhiều thông tin về CTĐT và được phổ biến đến các BLQ

Nhà trường có các hoạt động đào tạo thực hiện đúng theo các chi tiết trong bảng mô tả chương trình...

Kiểm tra và cập nhật bảng mô tả CTĐT chi tiết

Kiểm tra hiểu biết của các BLQ về CTĐT chi tiết

Quy cách CTĐT (tt)

Hoạt động cần thực hiện

- Tóm tắt mục tiêu đào tạo và KQHTMĐ
- Cấu trúc khoá học
- Thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR qua ma trận
- Các bản mô tả học phần.
- Mô tả CTĐT theo hướng dẫn
- Phổ biến bản mô tả chương trình đến SV, GV và các đối tượng bên ngoài
- Các thông tin trong bản mô tả chương trình gồm có: *phát biểu kết quả học tập dự kiến rõ ràng, hình thức đào tạo, thời gian biểu, số tín chỉ, các hình thức kiểm tra, thông tin tóm tắt về môn học...*

Các thông tin của quy cách CTĐT

- 1) Trường/cơ sở cấp bằng.
- 2) Cơ sở đào tạo, giảng dạy (nếu không phải cơ sở cấp bằng).
- 3) Thông tin chi tiết về các chứng nhận kiểm định được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền.
- 4) Tên gọi của văn bằng.
- 5) Tên CTĐT.
- 6) Chuẩn đầu ra của CTĐT.
- 7) Tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT.
- 8) Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về đầu ra của CTĐT.
- 9) Cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, học phần, số tín chỉ,....
- 10) Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Ví dụ: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần : Kỹ năng giao tiếp (Communication skills)

- Mã số học phần :

- Số tín chỉ : 2 tín chỉ

- Phân bố số tiết : 25 tiết lý thuyết, 10 tiết thực hành và 70 tiết tự học.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Quản trị

- Khoa/Viện : Kinh tế - Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không yêu cầu

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết được những nguyên lý cơ bản về quá trình truyền thông tin hay giao tiếp trong

3.3. TC6. Chất lượng cán bộ học thuật

ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
6.1	Quy hoạch ngắn hạn và dài hạn về việc xây dựng đội ngũ học thuật hay những nhu cầu về đội ngũ học thuật (gồm những kế hoạch kế thừa, thăng tiến, tái phân công, chấm dứt hợp đồng, và hưu trí) được thực hiện nhằm bảo đảm chắc rằng đội ngũ học thuật có chất lượng và số lượng đủ để đáp ứng trọn vẹn nhu cầu giáo dục, nghiên cứu và phục vụ.
6.2	Tỷ lệ giảng viên trên người học và khối lượng công việc được đo lường và theo dõi giúp cải thiện chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phục vụ.

3.6. TC6. Chất lượng cán bộ học thuật (tt)

ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
6.3	Năng lực đội ngũ học thuật được xác định và đánh giá. Một <i>cán bộ học thuật có năng lực</i> là người sẽ có khả năng: • thiết kế và cung cấp một chương trình dạy và học có sự gắn kết; • áp dụng nhiều phương pháp dạy và học và lựa chọn được những phương pháp kiểm tra đánh giá người học thích hợp nhất giúp đạt được những KQHT mong đợi; • xây dựng và sử dụng được nhiều phương tiện giáo dục; • giám sát và đánh giá hoạt động giảng dạy của bản thân và đánh giá học phần mình cung cấp; • chiêm nghiệm về những thực hành giảng dạy của bản thân; và • thực hiện NCKH và cung cấp dịch vụ tới các bên có liên quan

3.3. TC6. Chất lượng cán bộ học thuật

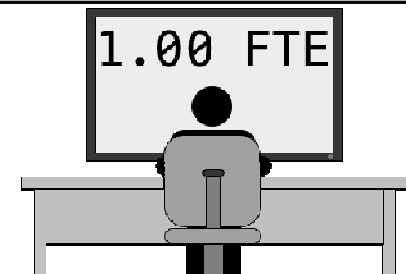
ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
6.4	Việc tuyển dụng và thăng tiến của đội ngũ cán bộ học thuật dựa trên năng lực và thành tích trong giảng dạy, NCKH và phục vụ.
6.5	Vai trò, vị trí và mối liên hệ giữa các thành viên trong đội ngũ cán bộ học thuật được xác định và hiểu rõ.
6.6	Cán bộ học thuật được phân giao nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, và khả năng.
6.7	Mọi cán bộ học thuật chịu trách nhiệm trước nhà trường và các bên có liên quan, khi xét đến tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp.

3.3. TC6. Chất lượng cán bộ học thuật (tt)

ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
6.8	Nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ học thuật được xác định một cách hệ thống, và các hoạt động đào tạo và phát triển thích hợp được thực hiện giúp đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu đã được xác định.
6.9	Việc quản lý thực hiện công việc học thuật bao gồm khen thưởng và ghi công được thực hiện giúp khích lệ và trợ giúp việc giáo dục, nghiên cứu và phục vụ.
6.10	Loại hình và số lượng các NCKH của cán bộ học thuật được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn nhằm đạt được sự tiến bộ.

Quy đổi thời gian toàn phần (Full Time Equivalent)

- ❑ Nếu 1 FTE = 40 giờ đồng hồ/1 tuần (cán bộ cơ hữu), thì FTE của 1 cán bộ học thuật có thời lượng giảng dạy 8 giờ đồng hồ trên 1 tuần sẽ là 0,2 (lấy 8 : 40);
- ❑ Nếu khối lượng giảng dạy toàn phần chính thức của 1 cán bộ học thuật = 4 học phần/1 học kỳ, thì 1 cán bộ học thuật được phân công giảng dạy 2 học phần/1 học kỳ có FTE = 0,5 (lấy 2 : 4)
- ❑ Nếu 1 người học FTE phải tham gia lớp học với thời lượng 20 giờ/1 tuần, thì FTE của 1 người học không toàn phần có 10 giờ tham gia lớp học trên 1 tuần sẽ là 0,5 (lấy 10 : 20)



TỶ LỆ SV/GV

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 24 /2015/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

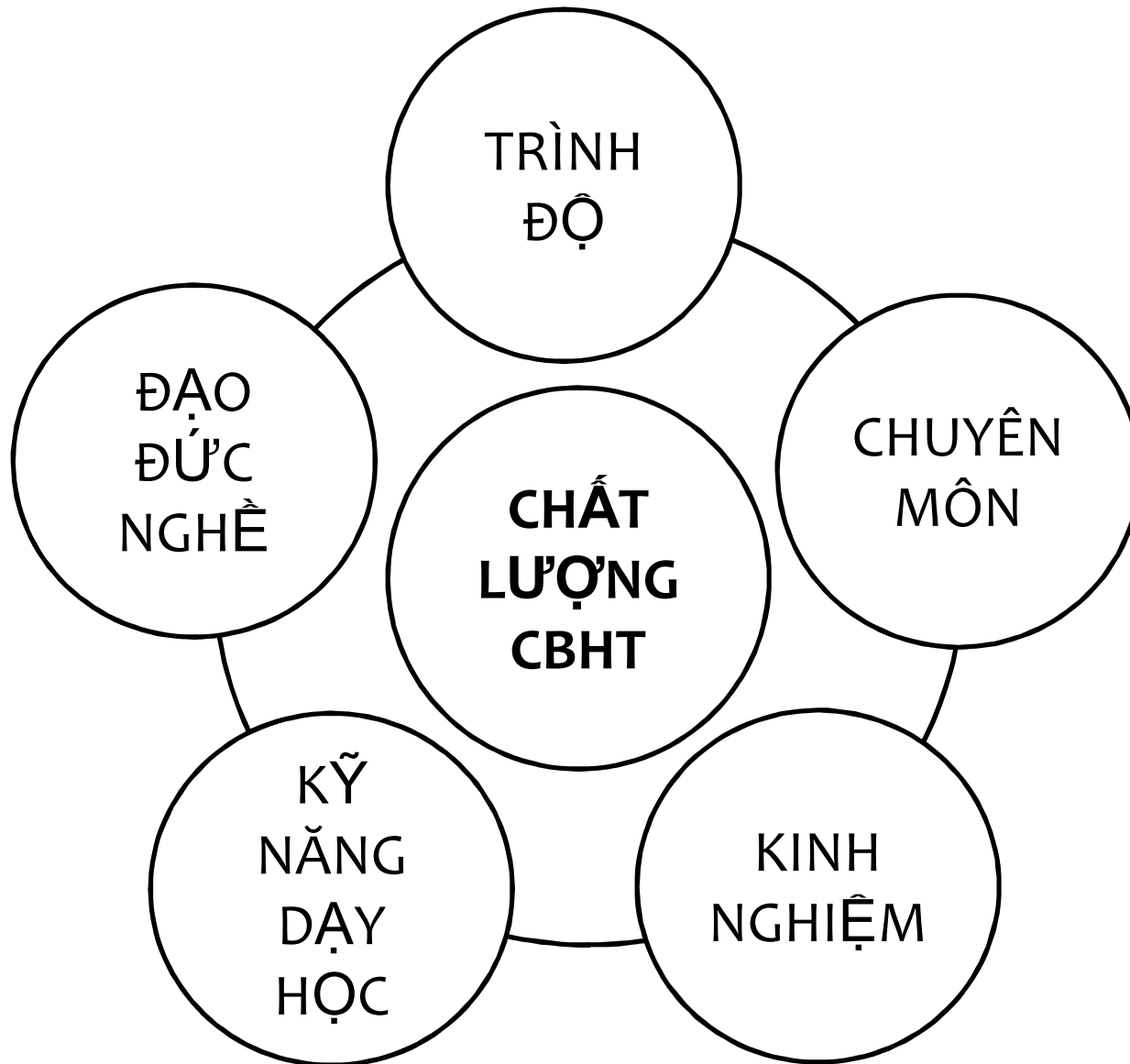
THÔNG TƯ

Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học

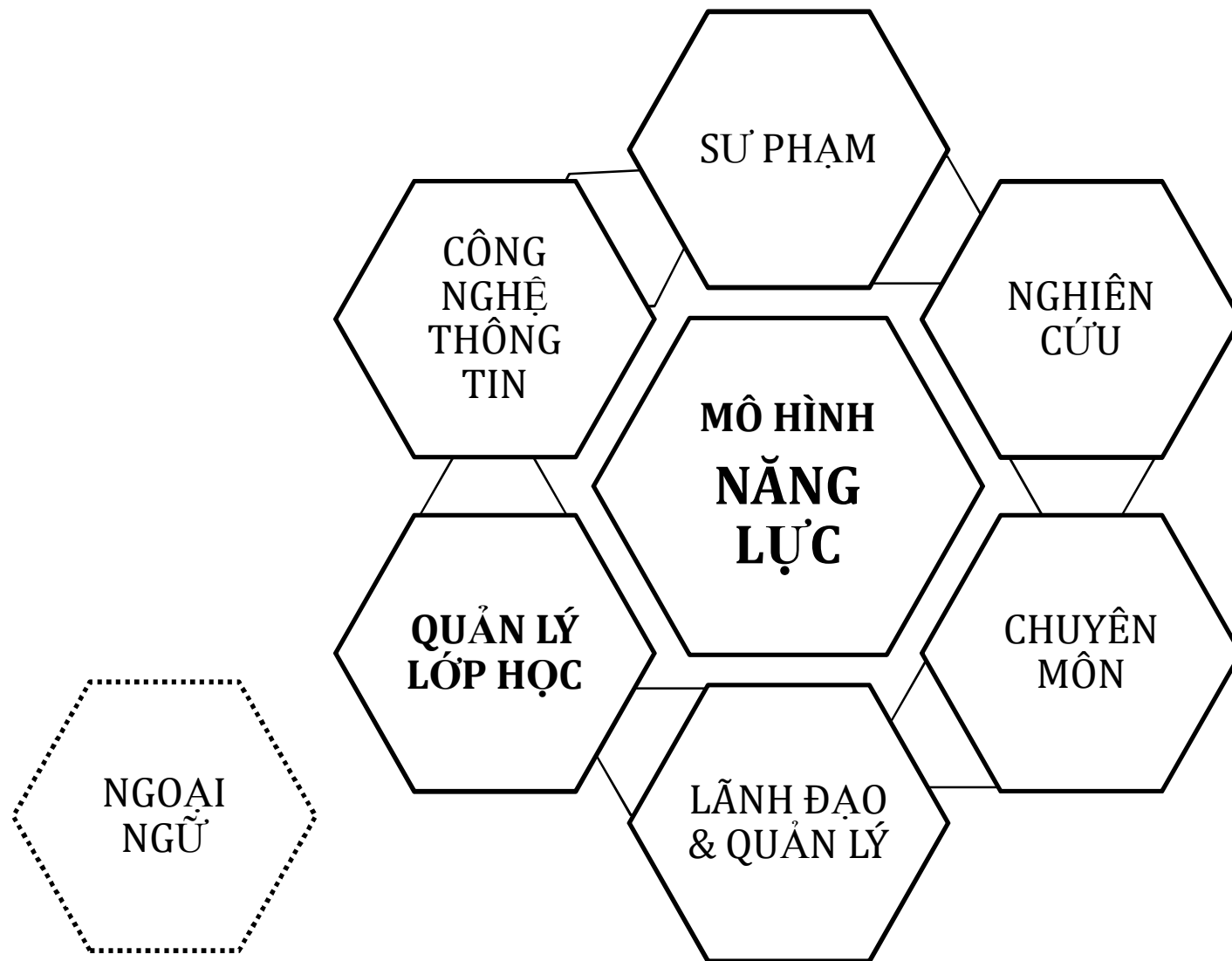
c) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu xác định theo ngành đào tạo đảm bảo không quá 10 sinh viên/giảng viên đối với nhóm ngành nghệ thuật, thể dục thể thao; 15 sinh viên/giảng viên đối với nhóm ngành y-dược và 20 sinh viên/giảng viên đối với các nhóm ngành khác.

d) Giảng viên cơ hữu và nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 40% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, 25% đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng và 10% đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành.

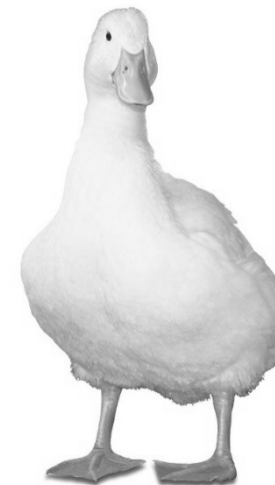
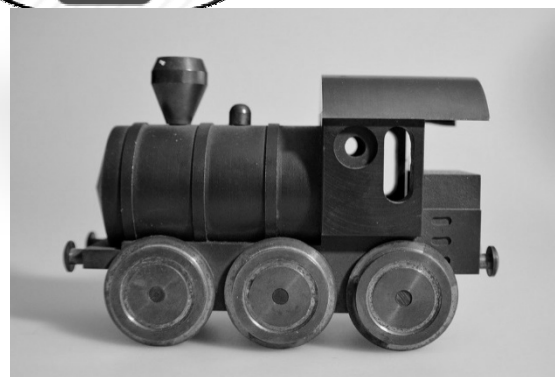
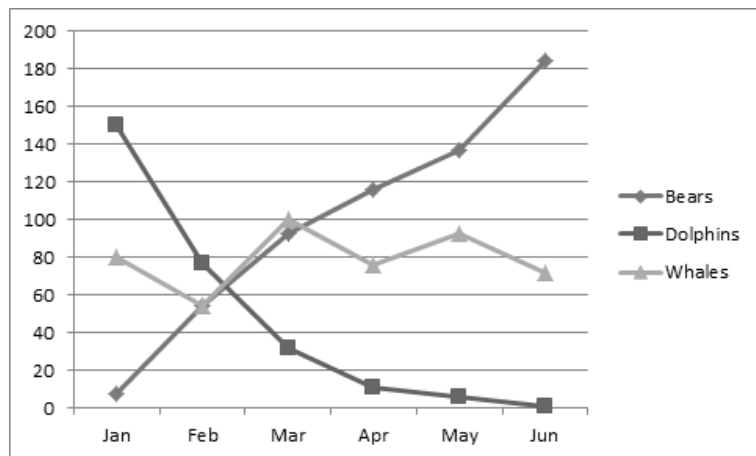
CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ HỌC THUẬT



NĂNG LỰC CÁN BỘ HỌC THUẬT (2016)



Phương tiện giáo dục



Trách nhiệm giải trình (Accountability)

- Trách nhiệm giải trình
- Giải thích các kết quả thực hiện hoạt động với các bên liên quan của CTĐT

Tự do học thuật (Academic freedom)

- “*Sự tự do của người dạy trong việc dạy, tìm hiểu kiến thức và nghiên cứu mà không có sự can thiệp hay giới hạn vô lý của pháp luật, nội quy hay áp lực công cộng*” (*Bách khoa toàn thư Britannica*)
- Giảng viên GV được cho quyền hoàn toàn tự do trong nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu, nhằm mục đích để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học thuật của họ...

Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics)

- Đạo đức nghề giáo:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 16/2008/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 4. Đạo đức nghề nghiệp

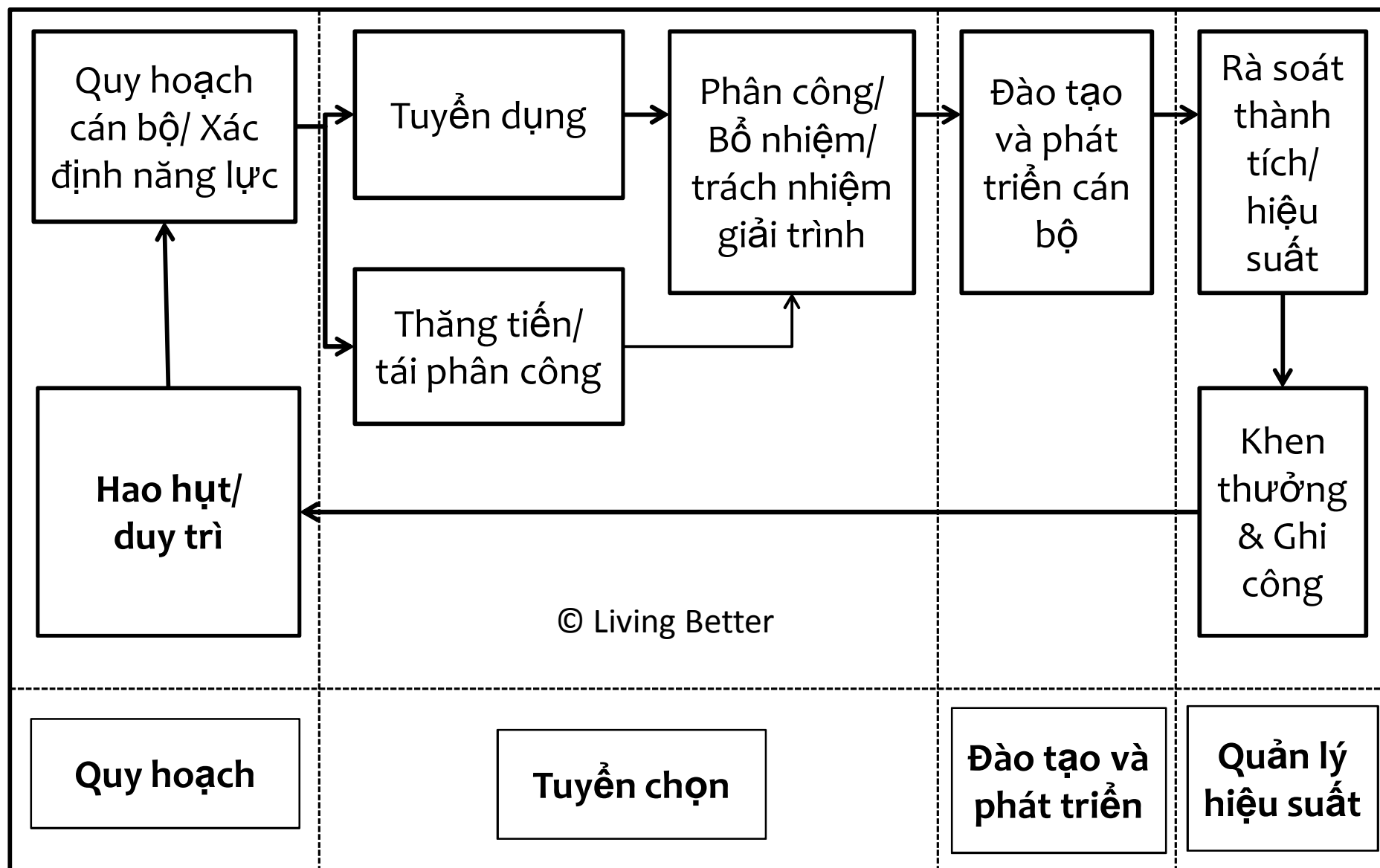
1. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

QUY HOẠCH CÁN BỘ HỌC THUẬT (2016)



Phát triển cán bộ học thuật

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1636 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định Tuyển dụng và yêu cầu về tiến trình phấn đấu
nâng cao trình độ đối với cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Lý lịch khoa học cán bộ học thuật

ALAN ELLIOTT WILSON

Auburn University ♦ School of Fisheries & Department of Biological Sciences
203 Swingle Hall ♦ Auburn, Alabama 36849
phone: (334) 246-1120 ♦ fax: (334) 844-9208
<http://www.wilsonlab.com> ♦ wilson@auburn.edu

EDUCATION

Georgia Institute of Technology - Atlanta, Georgia; Advisor: Dr. Mark E. Hay

2006 - Ph.D., Applied Biology; Minor in Chemical Ecology

Dissertation: *Cyanobacteria-grazer interactions: Consequences of toxicity, morphology, and genetic diversity*

Michigan State University - East Lansing, Michigan; Advisor: Dr. Orlando “Ace” Sarnelle

2001 - M.S., Fisheries and Wildlife; Specialization in Ecology, Evolutionary Biology, and Behavior

Thesis: *Complex interactions between zebra mussels and their planktonic prey*

University of North Carolina at Chapel Hill - Chapel Hill, North Carolina

1997 - B.A., Biology - Graduated with Distinction

Young Harris College - Young Harris, Georgia

1995 - A.S., Biology - Graduated with Highest Honors

PROFESSIONAL EXPERIENCES

Auburn University - School of Fisheries and Department of Biological Sciences

2013 - present Associate Professor

Bảng: Số lượng cán bộ học thuật

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng Tiến sỹ
			Số lượng	FTEs	
Giáo sư					
Phó Giáo sư					
Giảng viên toàn thời gian					
Giảng viên không toàn thời gian					
Giáo sư/Giảng viên thỉnh giảng					
Tổng số					

- Lưu ý: nêu rõ phương pháp được áp dụng để tính FTE

Bảng: Tỷ lệ CBHT/Người học

Năm học	Tổng số FTEs của cán bộ học thuật	Tổng số FTEs của người học	Tỷ lệ cán bộ học thuật/người học

- Lưu ý: nêu rõ phương pháp áp dụng tính FTE của CBHT và người học

Bảng: Hoạt động nghiên cứu khoa học

	Phân cấp xuất bản				Tổng số	Số lượng xuất bản bình quân trên cán bộ học thuật
Năm học	Cấp cơ sở	Cấp nhà nước	Cấp khu vực	Cấp quốc tế		

Tiêu chí chấm điểm TC 6

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM	
6	Chất lượng Cán bộ Học thuật
6.1	Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ học thuật (có tính đến kế thừa, thăng tiến, tái phân công, chấm dứt hợp đồng, và hưu trí) được thực hiện giúp đáp ứng trọn vẹn nhu cầu giáo dục, nghiên cứu và phục vụ [1]
6.2	Tỷ lệ giảng viên trên người học và khối lượng công việc được đo lường và theo dõi giúp cải thiện chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phục vụ [2]
6.3	Các tiêu chí tuyển chọn bao gồm đạo đức và tự do học thuật áp dụng cho việc bổ nhiệm, phân công và thăng tiến được xác định và thông tin [4, 5, 6, 7]
6.4	Năng lực cán bộ học thuật được xác định và đánh giá [3]

Tiêu chí chấm điểm TC 6 (tt)

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM	
6	Chất lượng Cán bộ Học thuật
6.5	Nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ học thuật được xác định và có các hoạt động được triển khai giúp đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu đó [8]
6.6	Việc quản lý thực hiện công việc học thuật bao gồm khen thưởng và ghi công được thực hiện giúp khích lệ và trợ giúp việc giáo dục, nghiên cứu và phục vụ [9]
6.7	Loại hình và số lượng các NCKH của cán bộ học thuật được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn nhằm đạt được sự tiến bộ [10]

3.4. TC7. Chất lượng cán bộ phục vụ

ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
7.1	Quy hoạch ngắn hạn và dài hạn về việc xây dựng đội ngũ CBPV hay những nhu cầu về thư viện, phòng thí nghiệm, trang thiết bị công nghệ thông tin và dịch vụ trợ giúp người học được thực hiện giúp bảo đảm chắc rằng đội ngũ CBPV có chất lượng và số lượng đủ để đáp ứng trọn vẹn nhu cầu giáo dục, nghiên cứu và phục vụ.
7.2	Các tiêu chí tuyển chọn áp dụng cho việc bổ nhiệm, phân công và thăng tiến được xác định và thông tin. Vai trò, vị trí của đội ngũ CBPV được xác định rõ và nhiệm vụ được phân giao theo năng lực và thành tích, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

3.4. TC7. Chất lượng cán bộ phục vụ (tt)

ĐẶC TẢ NỘI HÀM	
7.3	Năng lực của đội ngũ CBPV được xác định và đánh giá giúp bảo đảm chắc rằng những năng lực này được duy trì thỏa đáng và các dịch vụ do đội ngũ CBPV cung cấp đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.
7.4	Nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ CBPV được xác định một cách hệ thống, và các hoạt động đào tạo và phát triển thích hợp được thực hiện giúp đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu đã được xác định.
7.5	Việc quản lý thực hiện công việc phục vụ bao gồm khen thưởng và ghi công được thực hiện giúp khích lệ và trợ giúp việc giáo dục, nghiên cứu và phục vụ.

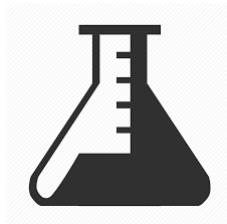
CÁN BỘ PHỤC VỤ



THƯ VIỆN



MÁY TÍNH



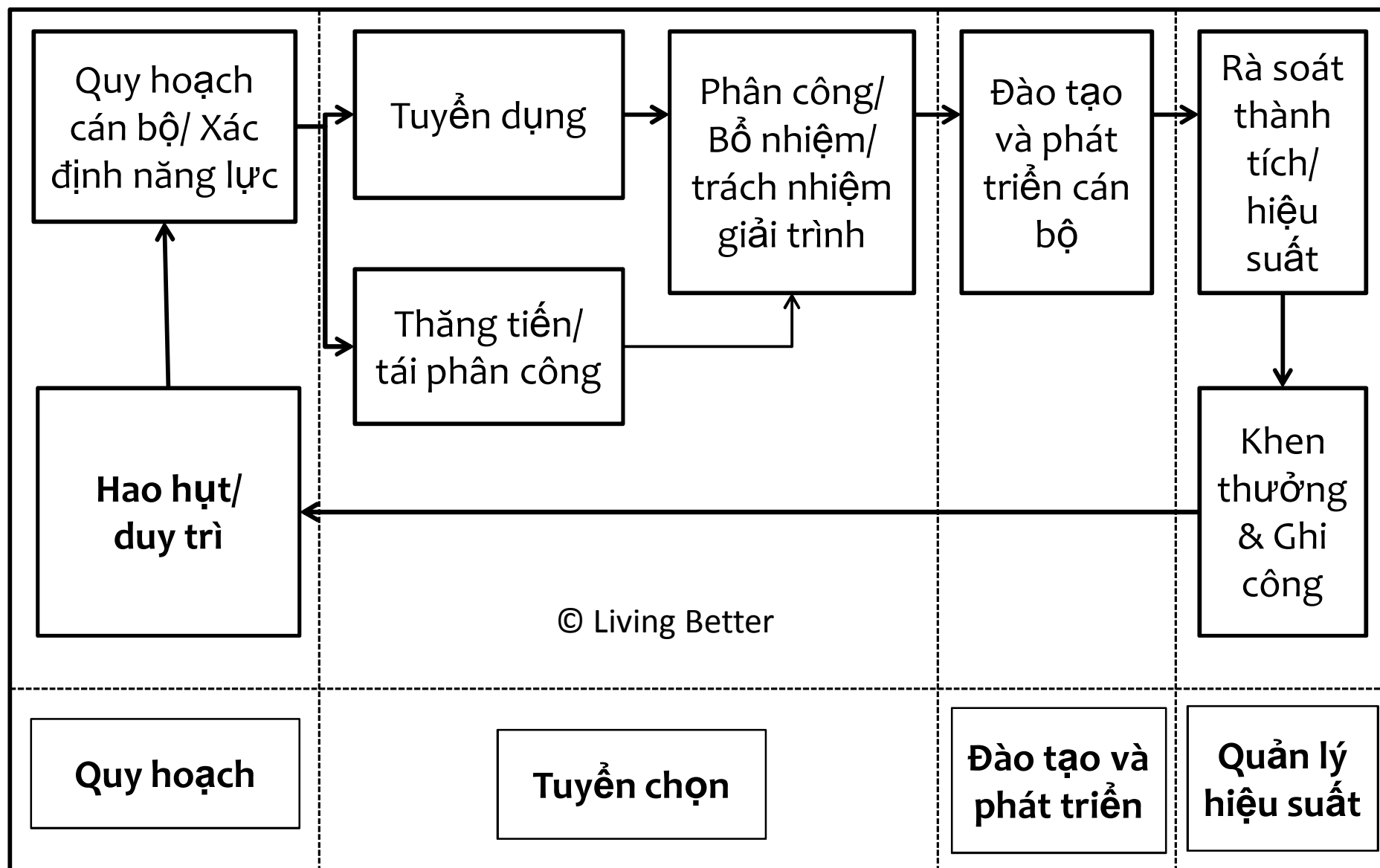
PHÒNG THÍ NGHIỆM



Student
Services

**HÀNH CHÍNH/
CÔNG TÁC SINH VIÊN**

QUY HOẠCH CÁN BỘ PHỤC VỤ (2016)



Đào tạo và phát triển cán bộ phục vụ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1120 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và công tác quản lý
trong đào tạo cán bộ của Trường Đại học Cần Thơ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

NĂNG LỰC CÁN BỘ PHỤC VỤ (2016)

Các năng lực cốt lõi và quản lý		- Phê duyệt hiệu suất - Huấn luyện	Lãnh đạo
		Kỹ năng giám sát	- Quản lý hiệu suất - Huấn luyện
	- Sáng tạo và kỹ năng tư duy - Giải quyết vấn đề và cải tiến chất lượng	- Sáng tạo và kỹ năng tư duy - Giải quyết vấn đề và cải tiến chất lượng	Giám sát và quản lý
	Phân phối DV khách hàng	Lãnh đạo DV khách hàng	- Sáng tạo và kỹ năng tư duy - Giải quyết vấn đề và cải tiến chất lượng
	Làm việc trong nhóm	Lãnh đạo nhóm	Quản lý DV khách hàng
			Lãnh đạo/ quản lý nhóm
Các năng lực khác		- Hiệu quả làm việc cá nhân - Giao tiếp - Kỹ năng tương tác với nhau	
KSEs (*)		- IT, ATLĐ, đọc dữ liệu (Literacy) - Kỹ năng nghề cụ thể	
Vị trí không giữ chức vụ giám sát Vị trí giữ chức vụ giám sát Các vị trí lãnh đạo			

Ví dụ về Mô hình Năng lực cán bộ phục vụ

(*) Kiến thức (knowledge), kỹ năng (skill), kinh nghiệm (experience)

Bảng: Số lượng CBPV trong 5 năm

Cán bộ phục vụ	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
	Phổ thông	Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	
Cán bộ thư viện					
Cán bộ phòng TN					
Cán bộ CNTT					
Cán bộ hành chính					
Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)					

Tiêu chí chấm điểm TC7

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM	
7.1	Việc quy hoạch đội ngũ CBPV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, bộ phận công nghệ thông tin và dịch vụ trợ giúp người học) được thực hiện giúp đáp ứng trọn vẹn nhu cầu giáo dục, nghiên cứu và phục vụ [1]
7.2	Các tiêu chí tuyển chọn áp dụng cho việc bổ nhiệm, phân công và thăng tiến được xác định và thông tin [2]
7.3	Năng lực CBPV được xác định và đánh giá [3]
7.4	Nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ CBPV được xác định và có các hoạt động được triển khai giúp đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu đó [4]
7.5	Việc quản lý thực hiện công việc phục vụ bao gồm khen thưởng và ghi công được thực hiện giúp khích lệ và trợ giúp việc giáo dục, nghiên cứu và phục vụ [5]

Cám ơn sự chú ý!



HƯỚNG DẪN NỘI DUNG TIÊU CHUẨN VÀ VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA V3 (Các Tiêu chuẩn 5, 8, 9, 10, 11)

Đào Phong Lâm
Trung tâm Quản lý chất lượng

Cần Thơ, 04/5/2018

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

WE APPRECIATE YOUR ENGAGEMENT



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

CÁC TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY

No	CRITERIA	Sub-Criteria	Rating criteria
1	Expected Learning Outcomes	4	3
2	Programme Specification	2	3
3	Programme Structure & Content	6	3
4	Teaching & Learning Approach	6	3
5	Student Assessment	8	5
6	Academic Staff Quality	10	7
7	Support Staff Quality	5	5
8	Student Quality & Support	5	5
9	Facilities & Infrastructure	7	5
10	Quality Enhancement	6	6
11	Output	3	5
	Total	62	50

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

CẤU TRÚC TRÌNH BÀY TỪNG TC

- Một số Thuật ngữ liên quan
- Yêu cầu theo AUN-QA
- Đảm bảo việc thực hiện
– MC (cốt lõi)
- Lưu ý chung



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

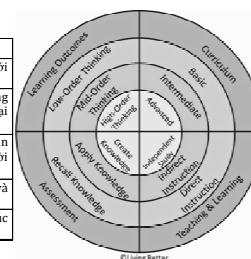
TC5. KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Stt	Thuật ngữ	Giải thích
1	Chương trình dạy học (Curriculum)	bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.
2	Kỹ năng mềm (Soft skills; Liquid skills; Transferable skills)	kỹ năng ngoài chuyên môn và được rèn luyện và trau dồi ở những điều kiện khác nhau; có thể áp dụng trong thực hiện các công việc khác nhau (ví dụ như Làm việc tổ nhóm, Giao tiếp, Tìm kiếm thông tin, v.v.)
3	Cấu trúc tương thích (Constructive alignment)	Việc thiết kế chương trình dựa trên 3 yếu tố có quan hệ khăng khít, gồm: Kết quả học tập; Phương pháp dạy học, và Phương pháp và nội dung đánh giá kết quả học tập.
4	Học tập suốt đời (Lifelong learning)	việc học tập xảy ra ở mọi lứa tuổi theo những cách chính thức, không chính thức, và chưa chính thức.
5	Độ giá trị (Validity)	mức độ chính xác mà các phương pháp và công cụ đánh giá đo lường được, giúp đo được cái cần đo, và cũng từ đó giúp các suy luận từ phép đo có ý nghĩa.
6	Độ tin cậy (Reliability)	tính nhất quán và mức phụ thuộc của số liệu thu thập được qua việc sử dụng cùng một công cụ hay quy trình thu thập dữ liệu trong các điều kiện như nhau.

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC5. KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

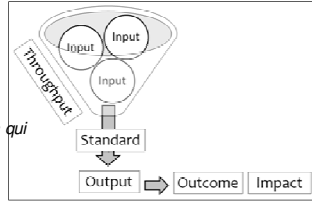
5	Kiểm tra & Đánh giá Người học
5.1	Hoạt động kiểm tra đánh giá người học có kết cấu đồng bộ hướng tới việc đạt được những KQHT mong đợi [1, 2]
5.2	Hoạt động kiểm tra đánh giá người học bao gồm lịch trình, phương pháp, qui định, trọng số, đáp án chấm điểm và thang điểm xếp loại phải rõ ràng và được thông tin tới người học [4, 5]
5.3	Sử dụng những phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm đáp án chấm điểm và thang điểm nhằm bảo đảm kiểm tra đánh giá người học có độ giá trị, độ tin cậy, và sự công bằng [6, 7]
5.4	Thông tin phản hồi về kiểm tra đánh giá người học phải kịp thời và giúp cải thiện việc học [3]
5.5	Người học dễ dàng tiếp cận được những thủ tục khiếu nại và phúc khảo [8]



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC5. KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

- Đầu vào: kết quả kì thi THPT quốc gia
- Tiến trình: qui định công tác học vụ (trên nền qui định 43/2007)
 - Đánh giá giữa/ cuối kỳ
 - Trọng số đánh giá
 - Điểm rèn luyện
- Đầu ra: luận văn/tiểu luận; thi
- MC cốt lõi:
 - Đề án tuyển sinh đại học hệ chính qui
 - Qui định công tác học vụ
 - Đề thi, bài làm, đáp án; rubrics
 - Kết quả khảo sát BLQ



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

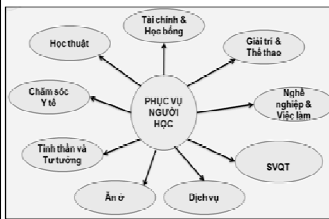
TC8. CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC & PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC

Stt	Thuật ngữ	Giải thích
1	Năng lực nghề nghiệp/ Khả năng có việc làm (Employability)	tập hợp các thành tựu – kỹ năng, hiểu biết và thuộc tính cá nhân – giúp người học tốt nghiệp có nhiều khả năng có được việc làm và thành công trong nghề nghiệp họ chọn lựa
2	Chương trình ngoại khóa (Co-curriculum)	các hoạt động, chương trình và trải nghiệm học tập giúp bổ sung các nội dung học tập trong chương trình chính khóa

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC8. CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC & PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC

8	Chất lượng Người học & Phục vụ Người học
8.1	Chính sách tiếp nhận người học và các tiêu chí tuyển sinh được xác định, thông tin, công bố, và cập nhật [1]
8.2	Các phương pháp và tiêu chí lựa chọn người học được xác định và đánh giá [2]
8.3	Có hệ thống giám sát thỏa đáng về tiến độ, thành tích học thuật, và khối lượng học tập của người học [3]
8.4	Tư vấn về học thuật, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi tài trong người học, và các dịch vụ trợ giúp người học có sẵn giúp cải thiện việc học và năng lực nghề nghiệp [4]
8.5	Môi trường tự nhiên, xã hội, và tâm lý có lợi cho giáo dục và nghiên cứu cũng như hạnh phúc và bình an của mọi cá nhân [5]



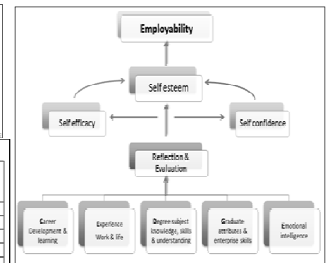
Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC8. CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC & PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC

Bảng số liệu số lượng người học nộp hồ sơ thi trong 5 năm gần nhất			
Năm học	Chức vụ		
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng được chấp nhận thi tuyển	Số lượng được tuyển
2012-2013			
2013-2014			
2014-2015			
2015-2016			
2016-2017			

Bảng số liệu tổng số sinh viên ghi danh vào chương trình trong 5 năm gần nhất

Năm học	Ngành học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2012-2013						
2013-2014						
2014-2015						
2015-2016						
2016-2017						



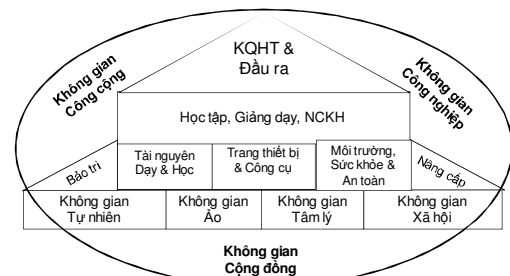
Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC8. CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC & PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC

- Hệ thống quản lý trực tuyến
- Các đơn vị chức năng
- MC cốt lõi:
 - Thời khóa biểu/lịch học
 - Kết quả xếp loại tốt nghiệp
 - Quy định về CVHT (QĐ số 2067/QĐ-ĐHCT ngày 04/12/2007 ban hành quy định về công tác CVHT)
 - Sổ tay người học
 - Qui định công tác học vụ
 - Kết quả khảo sát BLQ

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC9. CSVC & HẠ TẦNG



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC9. CSVC & HẠ TẦNG

- Giảng đường
- Phòng lab
- Học liệu
- Trang thiết bị
- Thực tập doanh nghiệp
- Kết nối wifi
- Không gian
- Môi trường

9	Cơ sở vật chất & Hạ tầng
9.1	CSVC và trang thiết bị phục vụ dạy và học (giảng đường, phòng học, phòng đồ án/dự án...) đầy đủ và cập nhật giúp thực hiện hoạt động giáo dục và nghiên cứu [1]
9.2	Thư viện và tài nguyên thư viện đầy đủ và cập nhật giúp thực hiện hoạt động giáo dục và nghiên cứu [3, 4]
9.3	Phòng thí nghiệm và trang thiết bị đầy đủ và cập nhật giúp thực hiện hoạt động giáo dục và nghiên cứu [1, 2]
9.4	CSVC cho công nghệ thông tin gồm hạ tầng dành cho học tập trực tuyến đầy đủ và cập nhật giúp thực hiện hoạt động giáo dục và nghiên cứu [1, 5, 6]
9.5	Các tiêu chuẩn về môi trường, y tế và an toàn; và điều kiện tiếp cận cho những cá nhân có nhu cầu đặc biệt được xác định và thực hiện [7]

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC9. CSVC & HẠ TẦNG

- MC cốt lõi:
 - Danh mục/Thống kê trang thiết bị Phòng Thí nghiệm & Phòng máy tính phục vụ CTĐT
 - Danh mục/Thống kê sách/tài liệu/tạp chí/tham khảo (Phòng đọc, Thư viện, Trung tâm học liệu) phục vụ CTĐT
 - Số theo dõi việc sử dụng CSVC và trang thiết bị
 - Kế hoạch tài chính của đơn vị/Khoa/Trường dành cho CTĐT
 - Kết quả khảo sát BLQ

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

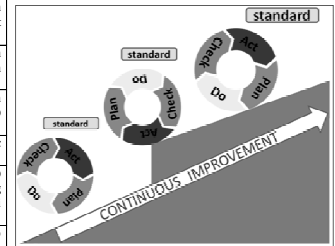
TC10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Stt	Thuật ngữ	Giải thích
1	Chất lượng của CTĐT (Quality)	sự đáp ứng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật giáo dục đại học và của Khung trình độ Quốc gia, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành và xã hội
2	Sự tương thích (Alignment)	mức độ phù hợp, gắn kết
3	Cải tiến (Kai Zen; Improvement)	thực hành giúp cải tiến liên tục nhằm đạt được chất lượng tốt hơn

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

10	Nâng cao Chất lượng
10.1	Nhu cầu và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được dùng làm ý kiến ban đầu giúp thiết kế và phát triển chương trình môn học [1]
10.2	Tiến trình thiết kế và phát triển chương trình môn học được xác lập và phải được đánh giá và cải tiến [2]
10.3	Tiến trình dạy và học và hoạt động kiểm tra đánh giá người học được rà soát và đánh giá liên tục giúp bảo đảm sự phù hợp và đồng bộ [3]
10.4	Thành quả từ NCKH được sử dụng giúp cải tiến việc dạy và học [4]
10.5	Chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ trợ giúp (trong thư viện, phòng thí nghiệm, bộ phận công nghệ thông tin và dịch vụ trợ giúp người học) phải được đánh giá và cải tiến [5]
10.6	Cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan có tính hệ thống và phải được đánh giá và cải tiến [6]



Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

- Qui định về xây dựng, điều chỉnh, cải tiến chất lượng CTĐT
- Sự tham gia của đại diện các BLQ
- MC cốt lõi:
 - Biên bản họp/xây dựng/rà soát CTĐT của đơn vị
 - Kế hoạch giảng dạy/đánh giá có định đến giám khảo ngoài trường
 - Đối sánh với các CTĐT đạt chuẩn AUN-QA của Nhà trường và của CSGD khác
 - Kết quả khảo sát BLQ

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC11. ĐẦU RA

Stt	Thuật ngữ	Giải thích
1	Đầu vào (Input)	phương tiện huy động cho việc thực hiện chương trình hay dự án (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất)
2	Tiến trình (Process)	nguồn lực và các can thiệp giữa Đầu vào và Đầu ra
3	Đầu ra (Output)	sản phẩm (gồm cả các dịch vụ) hữu hình của chính sách hay chương trình cần thiết để đạt được mục tiêu. Đầu ra liên quan tới sự hoàn thành (hơn là tới cách thực hiện) các hoạt động và cũng là các loại hình kết quả mà các nhà quản lý có mức độ ảnh hưởng cao
4	Thành quả (Outcome)	sự thay đổi dự định hoặc đã đạt được trong các điều kiện đào tạo. Thành quả thể hiện những thay đổi trong khoảng thời gian từ khi kết thúc đầu ra cho đến khi đạt được tác động
5	Tác động (Impact)	các ảnh hưởng, sự thay đổi, và lợi ích của chương trình đối với cộng đồng và bản thân chương trình
6	Đối sánh (Benchmarking)	tiến trình có tính liên tục và tính hệ thống trong việc so sánh các yếu tố trong việc thực hiện của một CSGD với các thực hành tốt nhất bên trong hoặc bên ngoài CSGD nhằm mục đích cải tiến việc thực hiện của CSGD này

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

TC11. ĐẦU RA

11	Đầu ra
11.1	Tỷ lệ đầu và tỷ lệ thời học được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn hướng tới sự cải thiện [1]
11.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn hướng tới sự cải thiện [1]
11.3	Năng lực nghề nghiệp của người học tốt nghiệp từ chương trình được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn hướng tới sự cải thiện [1]
11.4	Loại hình và số lượng NCKH do người học thực hiện được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn hướng tới sự cải thiện [2]
11.5	Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh chuẩn hướng tới sự cải thiện [3]

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

- Kết quả đánh giá
- Kết quả xếp loại tốt nghiệp
- Nghiên cứu khoa học
- Ứng dụng NCKH trong dạy & học
- Khảo sát việc làm
- Khảo sát danh tiếng
- Xếp loại chương trình

TC11. ĐẦU RA

- MC cốt lõi:
 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia **OTD**
 - Hỗ trợ trong NCKH
 - Đề tài NCKH do người học thực hiện
 - Kết quả xếp loại tốt nghiệp
 - Báo cáo tình hình việc làm SVTN
 - Kết quả khảo sát BLQ

Bảng thể hiện tỷ lệ đầu và thời học của 5 khóa gần nhất									
Năm học	Số sinh viên	Phân trăm hoàn thành			Phân trăm thời học trong thời gian				
	khóa	3 năm	4 năm	Sau 4 năm	Năm thành lập	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4	Năm tiếp theo
2012-2013									
2013-2014									
2014-2015									
2015-2016									
2016-2017									

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

LƯU Ý CHUNG

- Sử dụng checklist theo hướng dẫn AUN-QA
- Đảm bảo mô tả việc thực hiện có thể chứng minh (qua MC)
- Thống nhất trong sử dụng số liệu/ nguồn số liệu
- Cung cấp đủ số liệu cho các bảng theo hướng dẫn AUN-QA
- Không sao chép báo cáo
- Tham khảo tài liệu và các qui định liên quan

Consensus – Devotion – Quality – Innovation

Cảm ơn quý Thầy Cô

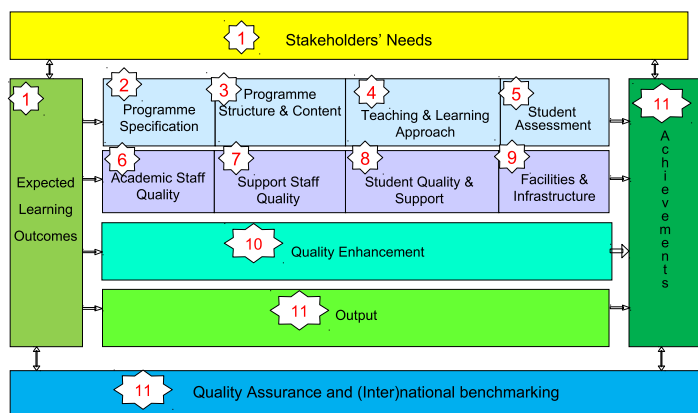
Consensus – Devotion – Quality – Innovation

Một số lưu ý về Tiêu chuẩn 3 & 4
Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT AUN-QA Phiên bản 3

Trình bày: Ngô Bá Hùng

Tài liệu này được biên soạn dựa trên tài liệu cung cấp cho học viên tham dự khóa tập huấn
22nd AUN-QA Workshop for
Accomplishing Programme Assessment
(Bangkok, 9 – 12 January 2018)
biên soạn bởi các tác giả
Dr. Tan Kay Chuan (NUS, Singapore)
Mr. Johnson Ong Chee Bin (Singapore)
Dr. Yahaya Md Sam (UTM, Malaysia)

AUN-QA at Programme Level
(3rd Version)



3. Cấu trúc và nội dung chương trình
(Programme Structure & Content)

3	Cấu trúc và nội dung chương trình	1	2	3	4	5	6	7
3.1	Chương trình môn học (curriculum) được thiết kế dựa trên nguyên lý Kiến tạo đồng bộ (constructive alignment) với KQHT mong đợi (ELO) [1]							
3.2	Mỗi học phần góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi [2]							
3.3	Chương trình giảng dạy được cấu trúc hợp lý, sắp xếp, tích hợp và cập nhật [3, 4, 5, 6]							
	Overall opinion							

QA at Programme Level

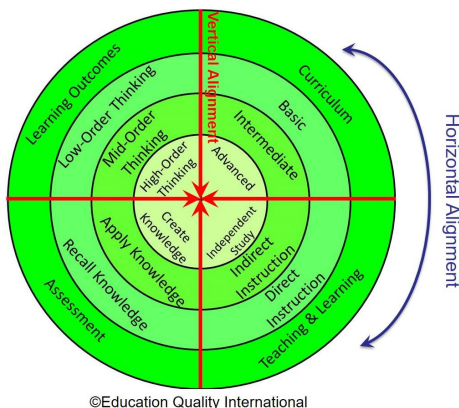
3

QA at Programme Level

4

3.1 Chương trình môn học được thiết kế dựa trên nguyên lý Kiến tạo đồng bộ với KQHT mong đợi

Constructive alignment:
The curriculum should be designed so that the teaching activities, learning activities and assessment tasks are co-ordinated with the learning outcomes.
(The *constructive* part refers to the type of learning and what the learner does. The *alignment* part refers to what the teacher does).



©Education Quality International

3.2 Mỗi học phần góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi

Table 1.2 Relationship between Courses and Expected Learning Outcomes (Continued)

No	Code	Course	Credit	Expected Learning Outcome (ELO)						
				ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7
27	CHS220802	Analytical Chemistry Lab	1	5	5	1	1	1	5	1
28	CHS210801	Mass and Energy Balance	3	5	1	1	1	1	5	1
29	CHS210802	Transport Phenomena	3	5	1	3	5	1	4	1
30	CHS220804	Fluid Mechanics	3	5	1	1	5	1	4	1
31	CHS220805	Material Construction and Corrosion	3	5	1	1	1	4	4	3
32	CHS220806	Thermodynamics	3	5	1	1	1	1	5	5
33	CHS220807	Heat Transfer	3	5	1	1	5	1	5	5
34	CHS220801	Chemical Engineering Mathematics	3	5	1	5	5	1	5	1
35	CHS310802	Mass Transfer	4	5	1	2	5	1	5	1
36	CHS310803	Unit Operation Lab. 1	2	5	5	1	5	1	5	1
37	CHS320803	Unit Operation Lab. 2	2	5	5	1	5	1	5	1
38	CHS310804	Chemical Reaction Engineering	4	5	1	1	1	1	5	5
39	CHS310806	Process Control	3	5	1	5	1	1	5	1
40	CHS320801	Chemical Process Simulation	3	5	1	5	5	1	5	1
41	CHS320802	Natural Gas Processing	3	5	1	4	5	1	5	5
42	CHS120801	Communication Skill	2	3	1	1	1	1	5	5
43	CHS310805	Project Management	2	5	1	1	1	5	5	5
44	CHS320804	Research Methods	2	5	5	1	5	1	5	1
45	CHS400803	Caplin Selecta	2	4	1	1	1	5	4	5
46	CHS410801	Process Equipment Design	4	5	1	5	1	1	5	5
47	CHS410802	Chemical Plant and Product Design	4	5	3	5	5	5	5	5
48	CHS300803	Seminar	1	5	5	1	5	4	5	5
49	CHS400801	On the Job Training	2	5	1	5	5	5	5	5
50	CHS400802	Final Project	4	5	5	4	5	4	5	5
51	CHF410801c	Composite Material	3	4	1	1	1	4	5	4
52	CHF410802	Applied Thermodynamics	3	5	1	3	1	1	4	4
53	CHF410803	Dynamic Systems	3	4	1	5	4	3	3	1

QA at Programme Level

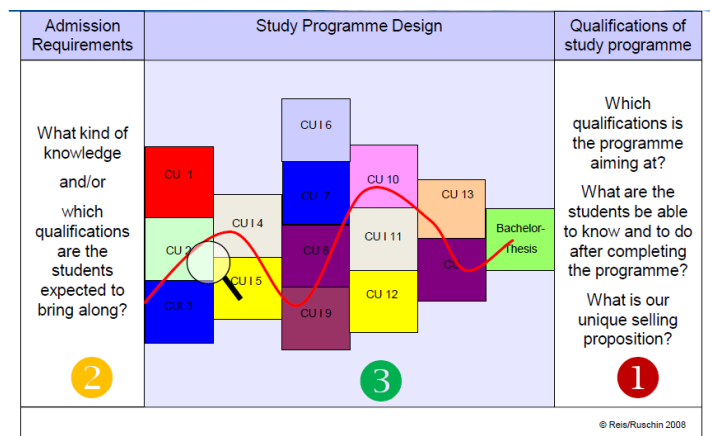
5

3.3 Chương trình giảng dạy được cấu trúc hợp lý, sắp xếp, tích hợp và cập nhật

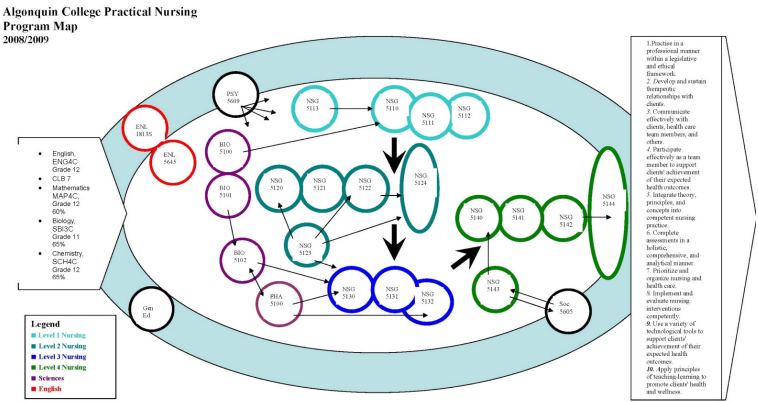
Curriculum mapping is a planning tool that can be used at any stage in the curriculum development cycle.

It provides a curriculum map which is a graphical description or a synopsis of curriculum components that can be used to align courses and lead to the achievement of the programme learning outcomes.

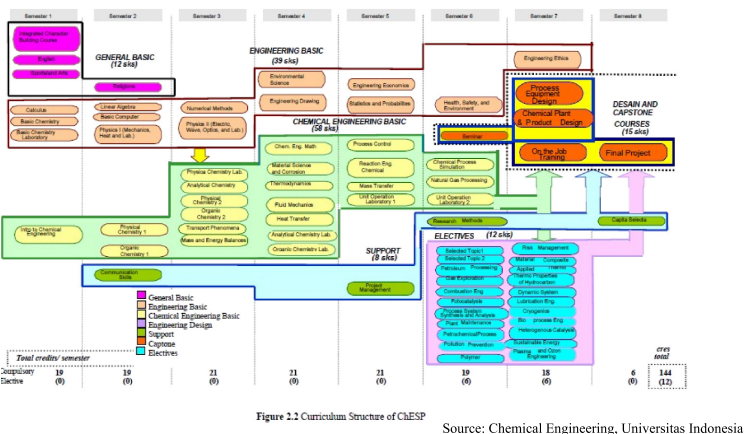
Curriculum Mapping



Curriculum Mapping



Curriculum Mapping



4. Tiếp cận dạy và học

4	Tiếp cận dạy và học	1	2	3	4	5	6	7
4.1	Triết lý giáo dục được tuyên bố mạch lạc và thông tin tới tất cả các bên liên quan [1]							
4.2	Hoạt động dạy và học được gắn kết chặt chẽ để đạt được kết quả học tập mong Đợi [2, 3, 4, 5]							
4.3	Hoạt động dạy và học tăng cường khả năng học tập suốt đời [6]							
	Overall opinion							

4.1 Triết lý giáo dục được tuyên bố mạch lạc và thông tin tới tất cả các bên liên quan

- Triết lý giáo dục là một tập hợp các niềm tin có liên quan nhau ở phía sau tất cả các trường học, các giáo viên, tác động đến cái và cách mà sinh viên được dạy. Nó trả lời cho câu hỏi về mục đích của việc đến trường, vai trò của giáo viên, và những gì nên được dạy và bằng phương pháp nào ?
- Triết lý giáo dục dẫn dắt tiếp cận dạy và học



Triết lý giáo dục của CTU ?

- Chưa có
- Các nguồn có thể vận dụng
 - Luật giáo dục Việt Nam được ban hành năm 2005
 - Mục tiêu giáo dục là “đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”
 - “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”

Triết lý giáo dục của CTU ?

- Các nguồn có thể vận dụng
 - Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI năm 2013 xác định mục tiêu của Giáo dục Đại học là “tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học”
 - Quy chế 43 – 2007: “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” với tinh thần “Lấy người học làm trung tâm”

4.2. Hoạt động dạy và học được gắn kết chặt chẽ để đạt được kết quả học tập mong đợi

- Các hoạt động học tập được thiết kế, nhóm lại và phối hợp với nhau để đạt được kết quả học tập mong đợi.
- Thông qua các hoạt động học tập, người học sẽ nhận được phản hồi về sự tiến bộ của họ và được chuẩn bị cho các bài kiểm tra ở đó họ có thể thể hiện được mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi

Tiếp cận dạy và học

Thuật ngữ	Mô tả
Mô hình dạy và học (Teaching/ Learning Paradigm)	Một tập hợp các niềm tin cơ bản về cách thức học tập diễn ra
Chiến lược giảng dạy (Instructional Strategy)	Một cách tiếp cận rộng và khác biệt tuân thủ một mô hình học tập nhất định
Instructional Method	Bản chất của hoạt động mà người hỗ trợ và người học có liên quan trong bài học.

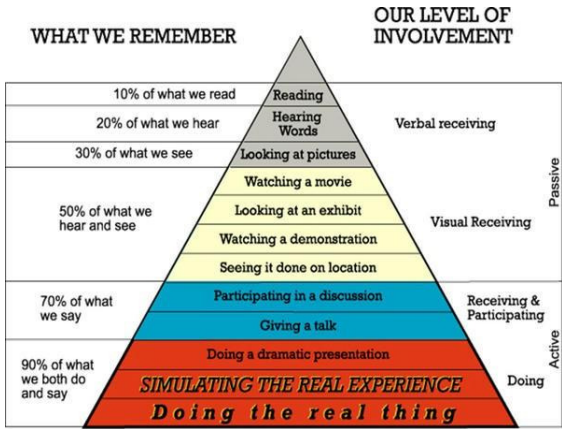
Tiếp cận dạy và học

Strategies	Methods	Strengths	Weaknesses
Direct Instruction	• Explicit Teaching • Lecture • Didactic Questions • Demonstrations • Drill & Practice	Tends to benefit auditory learners	Shorter attention span of passive listeners
Indirect Instruction	• Inquiry • Problem Solving • Case Studies • Concept Formulation	Promotes meaningful understanding and ownership of learning	Time consuming
Experiential Learning	• Simulations • Focused Imaging • Role Play • Models • Games • Field Trip • Experiment	Engaging, facilitates transfer of knowledge and skills, first hand impactful experience	Risks being artificial or superficial in terms of learning quality

Tiếp cận dạy và học

Strategies	Methods	Strengths	Weaknesses
Interactive Instruction	• Debates • Discussions • Problem Solving • Brainstorming • Peer Learning • Reflection	Motivating for students. Interact with others broadens the educational experience	Dependent upon the expertise of the teacher in structuring and developing the dynamics of the group
Independent Study	• Work Assignment • Research Projects • Computer-Aided Instruction • Reflection	Learn on demand. User is able to stop for breaks. Tutorials can be developed by experts outside the institution	Not possible to ask questions in the absence of the instructor. Individuals must be motivated enough to complete tutorial

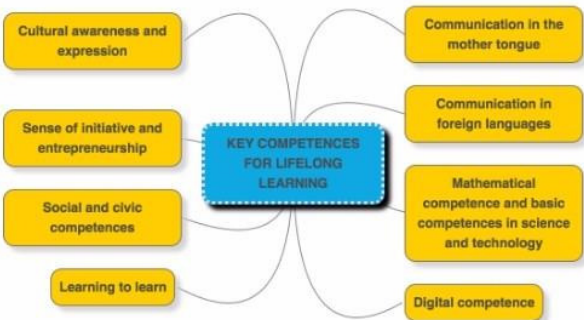
Tiếp cận dạy và học



Learning Pyramid: National Training Lab – Bethel, Maine

4.3 Hoạt động dạy và học tăng cường năng lực học tập suốt đời

The European Reference Framework sets out eight key competences for lifelong learning:



Source: European Commission

HƯỚNG DẪN LƯU TRỮ MINH CHỨNG

TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Khái niệm về minh chứng

- Minh chứng là những *văn bản, hồ sơ, sổ sách, hiện vật* đã và đang có của nhà trường, đơn vị gắn với *nội hàm (các từ khóa)* của từng tiêu chí để xác định *mức độ đạt yêu cầu* của mỗi tiêu chí đó.
- Minh chứng được sử dụng để *chứng minh cho các phân tích, giải thích*, từ đó đưa ra các nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá.
- Minh chứng phải có *nguồn gốc rõ ràng* và bảo đảm tính *chính xác*.
- *Mỗi phân tích, mô tả* trong báo cáo TĐG đều phải có minh chứng đi kèm.

II. Các loại minh chứng

- *Các văn bản, tài liệu, hồ sơ*: báo cáo tổng kết; thông báo triển khai; biên bản họp; văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn; quyết định; hồ sơ cán bộ (số lượng, trình độ, bằng cấp...);
- *Các biểu mẫu thống kê* trong quá trình quản lý; các *số liệu* thống kê mô tả, báo cáo thống kê định kỳ...
- *Các kết quả xử lý thông tin* trong các phiếu khảo sát;
- *Các thông tin* từ phỏng vấn;
- *Các biên bản* ghi chép nội dung các buổi trao đổi/toạ đàm/hội thảo/hội nghị, ...
Các biên bản quan sát, dự giờ, thăm hiện trường;
- *Trang web* trường, đơn vị; *bản tin* điện tử...
Các hình ảnh hoạt động của nhà trường...

III. Hình thức trình bày:

1. Cách ghi mã minh chứng

Mã minh chứng được quy định theo công thức: **Exh.n.a.b**

- **Exh**: viết tắt của “**Exhibition**”; tất cả minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được đặt trong 1 hộp hoặc một số hộp;
- **n**: số thứ tự tiêu chuẩn, có giá trị từ 1 đến hết;
- **a**: số thứ tự tiêu chí, có giá trị từ 1 đến hết;
- **b**: số thứ tự minh chứng của tiêu chuẩn, có giá trị từ 1 đến hết;

Ví dụ:

Exh.1.1.1: Minh chứng thứ 1 của tiêu chí thứ 1 trong tiêu chuẩn 1.

2. Tổ chức, sắp xếp minh chứng

2.1 Lập danh mục minh chứng

Các minh chứng dùng chung sau khi được ghi mã minh chứng sẽ được sắp xếp vào danh mục minh chứng:

STT	Mã MC	Tên MC	Số hiệu	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành/lưu trữ	Ghi chú
1	Exh.1.1.1					
2	Exh.1.1.2					
3	...					
4						
8	Hn.a.b					

2.2 Dán nhãn minh chứng

Sau khi hoàn tất việc lập danh mục, các minh chứng sẽ được dán nhãn theo mẫu như sau:

Mã minh chứng ➤ Tên minh chứng

Ví dụ:

Exh.1.6.1 - Quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức Trường ĐHCT

III. Tổ chức lưu trữ

Các minh chứng được phân bổ theo tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn có 1 hộp (hoặc nhiều hộp tùy theo số lượng minh chứng).

1. Hình thức lưu trữ

1.1 Lưu trữ bằng văn bản

Các minh chứng sau khi được mã hóa và dán nhãn sẽ được đặt trong các bìa lá lỗ A4 và lưu trữ bằng bìa còng A4.



1.2 Lưu trữ bằng file mềm

- Các minh chứng sau khi được mã hóa và dán nhãn sẽ được scan và lưu vào thư mục (folder). Mỗi thư mục là một hộp minh chứng, tên của thư mục được quy ước như sau: Năm_Hn_TCa_Bộ tiêu chuẩn_CTDĐT

- Năm: năm cập nhật minh chứng;
- n: số thứ tự hộp;
- a: số thứ tự tiêu chuẩn;
- Bộ tiêu chuẩn: AUN, MOET, ABET.

- Các tập tin minh chứng được đặt tên theo quy ước là mã của minh chứng:

Exh.n.a.b

3. Thời gian lưu trữ

Thời gian lưu trữ minh chứng dùng chung phục vụ cho công tác tự đánh giá được thực hiện theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, quy định của các bộ ngành khác và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu chuyên ngành và Quyết định số 1994/QĐ-ĐHCT về việc ban hành Quy chế công tác lưu trữ của Trường Đại học Cần Thơ: **báo cáo tự đánh giá thuộc loại báo cáo phân tích và được lưu trữ vĩnh viễn vì vậy các hồ sơ, tài liệu làm minh chứng cho báo cáo này cũng được bảo quản vĩnh viễn.**